

Số: 198 – 2024/CV/FPTS-FAD

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,  
SGDCK TP.HCM, SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Chứng khoán FPT
- Mã chứng khoán: FTS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52, Đường Lạc Long Quân, P.Bưởi, Q.Tây Hồ, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 1900 6446
- Fax: (0243)773 9058
- Người thực hiện công bố thông tin: Trịnh Thanh Hằng  
Chức vụ: Chánh Văn phòng, Quản trị công ty.

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (\*):

**Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 22/3/2024 tại đường dẫn: <http://www.fpts.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2023.



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023





# MỤC LỤC

## PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	04
Những con số nổi bật năm 2023	06
Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi	09

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung	12
Quá trình hình thành và phát triển	13
Ngành nghề kinh doanh và mạng lưới giao dịch	14
Mô hình quản trị	16
Giới thiệu Ban lãnh đạo	17
Định hướng phát triển	22
Thông tin cổ phần, cổ đông và cổ phiếu	22
Rủi ro và quản trị rủi ro	27

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

Tổng quan ngành chứng khoán Việt Nam năm 2023	30
Kết quả kinh doanh năm 2023	31
Tổ chức và nhân sự	37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình hoạt động của FPTS năm 2023	40
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	42
Triển vọng kinh doanh năm 2024	43

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	46
Đánh giá chung của Hội đồng quản trị	46
Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc	48
Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023	48
Phương hướng hoạt động năm 2024	49
Tổng kết	49

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	52
Ủy ban kiểm toán	54
Giao dịch, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán	55
Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị công ty	55

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mô hình phát triển bền vững	58
Chiến lược về phát triển bền vững	58
Hoạt động phát triển bền vững	60

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2023

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	65
Báo cáo kiểm toán độc lập	67
Báo cáo tình hình tài chính	69
Báo cáo kết quả hoạt động	73
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	76
Bản thuyết minh	81



## THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“ Trước những biến động lớn của tình hình Kinh tế – Xã hội và Thị trường Chứng khoán trong năm 2023, FPTS đã nắm bắt từng nhịp chuyển động của thị trường, chủ động đón nhận và biến các thách thức thành cơ hội để tạo ra giá trị bền vững không chỉ cho Công ty mà còn tất cả các bên liên quan trong hành trình bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản”

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên,

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng. Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất lên mức 5,5%/năm vào kỳ họp tháng 7/2023 – mức cao nhất trong vòng 22 năm qua. Cũng trong năm 2023, nhiều Ngân hàng trung ương các nước đã có những hành động tương tự nhằm kiểm chế lạm phát. Mặc dù thương mại toàn cầu vẫn tiếp tục đà giảm, thị trường chứng khoán thế giới đã phục hồi và khởi sắc đáng kể so với năm 2022.

Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và người dân, đã giữ được mức tăng trưởng ổn định. Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã thực hiện giảm 4 lần các mức lãi suất điều hành trong năm 2023 nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho

doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tính chung cả năm, GDP của Việt Nam tăng trưởng 5,05%, CPI bình quân tăng 3,25% so với năm 2022, xuất siêu hàng hóa, dịch vụ 18,53 tỷ USD. Trong bối cảnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến sự tăng lên về điểm số nhưng sụt giảm về thanh khoản thị trường. Chỉ số VN-Index tăng 12,2% (đầu năm: 1.007,09 cuối năm: 1.129,93), chỉ số HNX-Index tăng 12,53% (đầu năm: 205,31 cuối năm 231,04). Giá trị giao dịch trung bình ngày đạt 17.580 tỷ VNĐ, giảm 12,15% so với cùng kỳ (20.011 tỷ VNĐ).

Chứng khoán FPT trong năm 2023 vừa qua cũng tiếp tục ghi nhận số lượng lớn tài khoản mở mới. Năm vừa qua, công ty đã mở mới 11.919 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 3.625 tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2023 là 217.351 tài khoản chứng khoán cơ sở và 31.234 tài khoản chứng khoán phái sinh.

Tính chung năm 2023, công ty nằm trong TOP 10 về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền tại cả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Ngoài ra, công ty cũng đứng trong TOP 10 về thị phần môi giới chứng khoán phái sinh. Năm 2023, thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền tại hai Sở Giao dịch Chứng khoán HOSE và HNX lần lượt là 3,04% - đứng thứ 10 và 3,07% - đứng thứ 8 (Thị phần môi giới năm 2022 tại HOSE là 3,21% - đứng thứ 9 và tại HNX là 3,33% - đứng thứ 6). Năm 2023, kết quả doanh thu đã thực hiện đạt 921 tỷ đồng, thực hiện 119,61% kế hoạch do ĐHQĐĐ đặt ra, lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt 510 tỷ đồng, hoàn thành 121,44% kế hoạch.

Mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp của Chứng khoán FPT trong năm vừa qua cũng là điểm sáng, đạt con số ấn tượng 32,8 tỷ đồng doanh thu. Công ty đã tập trung nâng cao trình độ của chuyên viên tư vấn, mở rộng thêm nhiều khách hàng doanh nghiệp cũng như phát triển, nâng cấp các dịch vụ, phần

miền hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp.

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ sáng sủa hơn so với năm 2023 mặc dù khó khăn, thách thức với các doanh nghiệp vẫn còn rất lớn. Mặt bằng lãi suất thấp và việc Chính phủ tập trung vào các chính sách kích thích tăng trưởng sẽ là động lực hỗ trợ thanh khoản và điểm số của thị trường chứng khoán Việt Nam. Song song với đó, lo ngại biến động tỷ giá hối đoái trong năm 2024 sẽ tác động tiêu cực đến thị trường.

Trong bối cảnh có nhiều cơ hội và thách thức đan xen, Chứng khoán FPT vẫn sẽ tiếp tục mục tiêu phát triển bền vững, quản trị rủi ro tốt, tối ưu hóa lợi nhuận dựa trên các giá trị cốt lõi và thế mạnh của mình, không ngừng nâng cao vị thế là một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể người lao động và cán bộ, nhân viên vì đã nỗ lực hết mình cho thành quả của Công ty trong suốt năm qua.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Thay mặt Hội đồng quản trị  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đã ký)

NGUYỄN VĂN DŨNG

## CÁC CON SỐ NỔI BẬT 2023

Kết quả hoạt động kinh doanh	Đơn vị tính	2021	2022	2023
Doanh thu hoạt động	Tỷ đồng	1.383,48	850,24	944,17
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	348,54	335,30	328,96
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	4,14	1,37	9,1
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-	-	-
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	Tỷ đồng	60,26	76,66	83,58
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	978,81	439,64	540,73
Lợi nhuận từ hoạt động khác	Tỷ đồng	2,57	1,89	1,21
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	981,38	441,53	541,94
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	845,97	318,22	444,92

### Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản	Tỷ đồng	9.455,96	5.288,00	8.234,68
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.475,67	1.950,60	2.145,65
Vốn của chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.982,64	3.348,03	3.643,94

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Thu nhập trên tổng tài sản ( ROA)	%	13,17	4,32	6.58
Thu nhập trên vốn cổ phần ( ROE)	%	32,63	10,05	12.73
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	5.371	1.456*	2.074**

(\*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm 2022 đã được điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 được trích vào năm 2023.

(\*\*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đến thời điểm phát hành báo cáo thường niên này chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



## SỰ KIẾN NỔI BẬT NĂM 2023



Năm 2023, FPTS nằm trong Top 10 về thị phần môi giới ở tất cả các thị trường gồm: HOSE, HNX, Upcom, Trái phiếu chính phủ, Chứng khoán phái sinh.

Số tài khoản khách hàng

**217.351**  
tài khoản

Số Cán bộ nhân viên

**505**  
người

Doanh thu hoạt động

**944.166.710.638**  
đồng, tăng 11,05%  
so với năm 2022

Vốn điều lệ

**2.145.649.870.000**  
đồng, tăng 10%  
so với năm 2022

Tổng tài sản

**8.234.683.118.841**  
đồng, tăng 55,72%  
so với năm 2022

Lợi nhuận sau thuế

**444.917.590.949**  
đồng, tăng 39,81%  
so với năm 2022

## TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



### Tâm nhìn

FPTS mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.



### Sứ mệnh

Chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.



### Giá trị cốt lõi

#### Con người

Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động. Nhờ trọng dụng nhân tài, nỗ lực xây dựng đội ngũ nhân sự, đặc biệt quan tâm đào tạo cán bộ, đề cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã có đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.

#### Công nghệ

FPTS đã đầu tư nhiều nguồn lực nhằm khai thác tối đa các thế mạnh về công nghệ, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của khách hàng cũng như quy mô phát triển ngày càng cao của thị trường cả hiện tại và trong tương lai.

Giải pháp công nghệ tiên tiến với các tính năng tối ưu luôn được cập nhật, nâng cấp, có khả năng mở rộng, gia tăng nhanh chóng.

Các sản phẩm phần mềm giao dịch có thể phục vụ số lượng giao dịch rất lớn vừa an toàn, bảo mật lại đạt tốc độ cao, mọi lúc, mọi nơi qua các kênh dịch vụ trực tuyến hay giao dịch truyền thống: điện thoại, quầy giao dịch.

Giao dịch trực tuyến được bảo mật bằng nhiều phương thức, thiết bị xác thực người dùng có độ uy tín cao, đảm bảo an toàn về dữ liệu truy cập và dữ liệu truyền tải trên đường truyền.

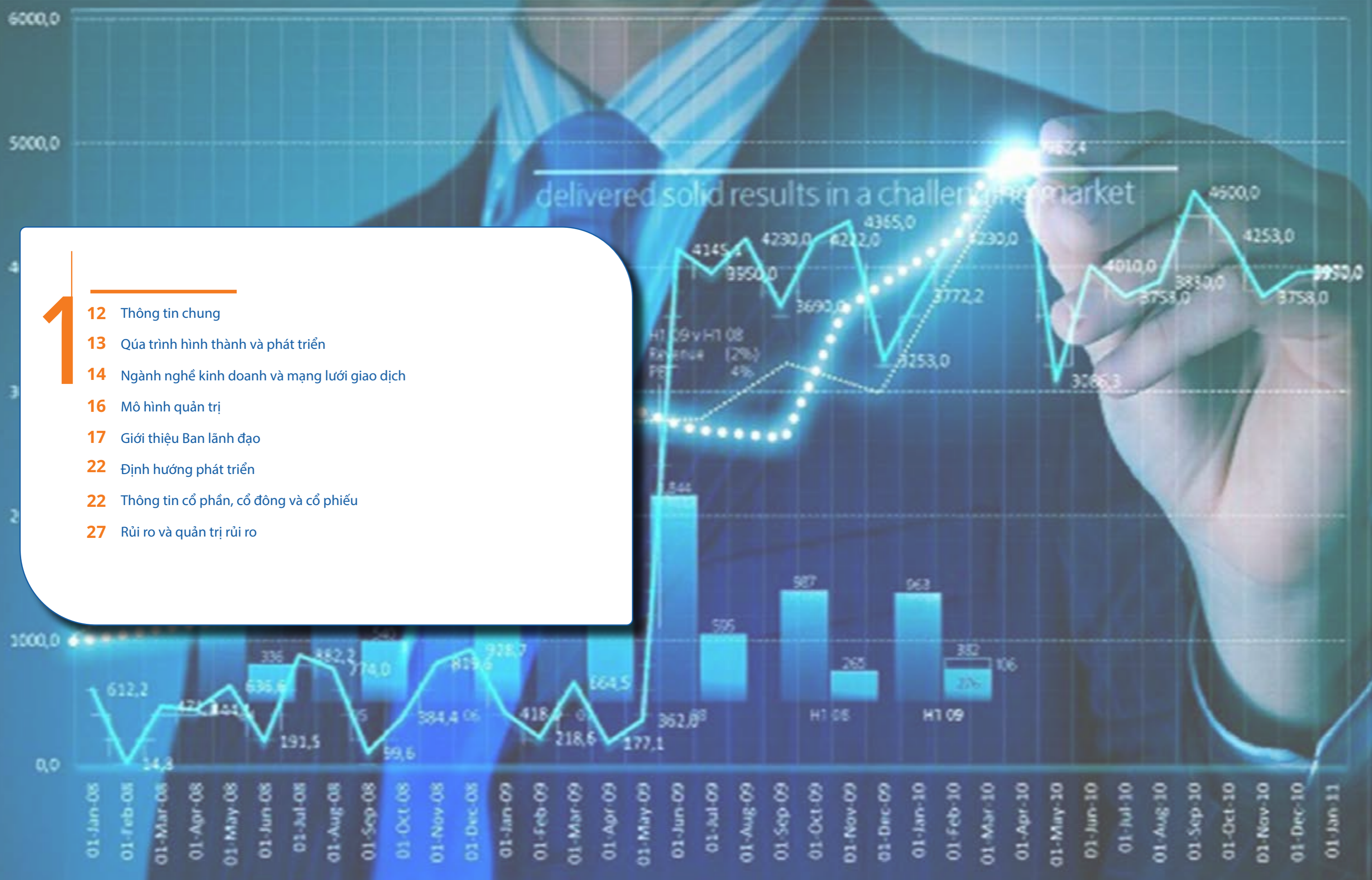
Hệ thống điều hành, quản lý và quản trị công ty được nâng cấp tối đa, áp dụng các công nghệ tiên tiến, giảm thiểu quy trình xử lý thủ công, rườm rà, đem lại hiệu quả tối đa trong quản lý, quản trị ở các cấp.



delivered solid results in a challenging market



- 12 Thông tin chung
- 13 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 Ngành nghề kinh doanh và mạng lưới giao dịch
- 16 Mô hình quản trị
- 17 Giới thiệu Ban lãnh đạo
- 22 Định hướng phát triển
- 22 Thông tin cổ phần, cổ đông và cổ phiếu
- 27 Rủi ro và quản trị rủi ro





# THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - được cấp phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/7/2007. Trải qua 16 năm hình thành và phát triển, FPTSec đã liên tục gặt hái được nhiều thành công, đạt được sự tin tưởng của khách hàng, khẳng định là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

## Tên doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT

## Tên tiếng Anh

FPT Securities Joint Stock Company

## Tên viết tắt

FPTS

## Trụ sở chính

Số 52 - đường Lạc Long Quân - phường Bưởi - quận Tây Hồ - Thành phố Hà Nội

## Mã số ĐKKD

0102324187

## Website

<https://www.fpts.com.vn>

## Số fax

(84.24) 3773 9058

## Số điện thoại

19006446

## Vốn điều lệ

2.145.649.870.000 đồng

## Mã chứng khoán

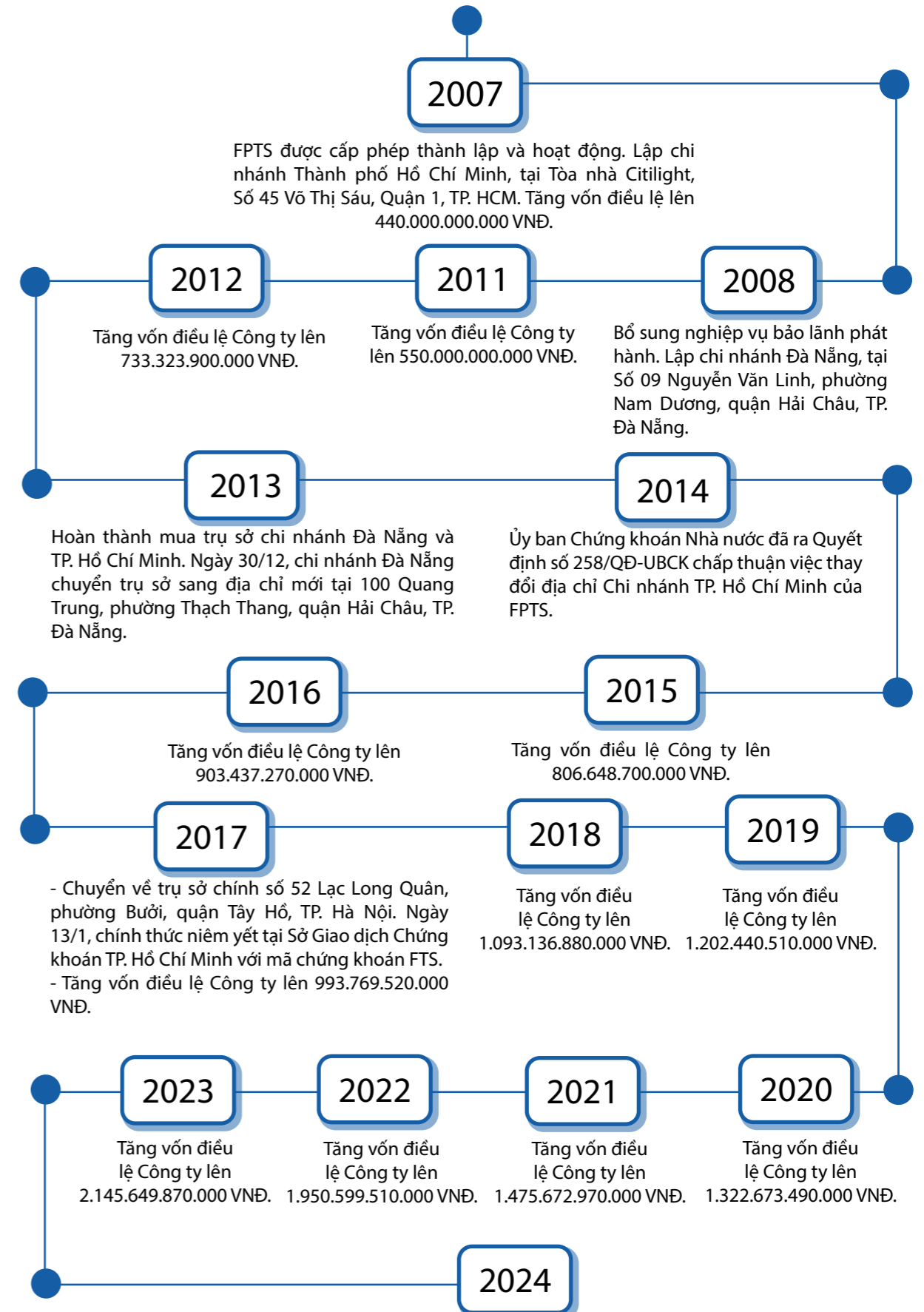
FTS

## Email

[fptscurities@fpts.com.vn](mailto:fptscurities@fpts.com.vn)



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

## Giao dịch chứng khoán

### Giao dịch chứng khoán

- Giao dịch chứng khoán cơ sở
- Giao dịch chứng khoán phái sinh
- Giao dịch chứng quyền có đảm bảo

### Giao dịch ký quỹ

- Dịch vụ ứng trước
- Lưu ký chứng khoán
- Dịch vụ Tư vấn đầu tư

## Tư vấn doanh nghiệp

### Dịch vụ ngân hàng đầu tư

- Tư vấn phát hành cổ phiếu/chào bán chứng khoán
- Tư vấn niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký công ty đại chúng
- Tư vấn thoái vốn, đấu giá
- Tư vấn mua bán, sáp nhập

### Tư vấn quản trị doanh nghiệp

- Tư vấn Tổ chức Đại hội đồng cổ đông và giải pháp EzGSM
- Tư vấn Công bố thông tin và Cổng quan hệ Nhà đầu tư trực tuyến EzIR
- Tư vấn Quản lý cổ đông và giải pháp EzLink
- Tư vấn lập Báo cáo thường niên

### Tư vấn hoàn thiện doanh nghiệp

- Tư vấn Quản trị nhân sự và giải pháp EzHRM
- Tư vấn Quản trị tài chính kế toán và giải pháp EzFAM
- Tư vấn Xây dựng Kế hoạch kinh doanh
- Tư vấn Dự báo Tài chính



## MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH



**TRỤ SỞ CHÍNH:**  
Địa chỉ: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-24) 3773 9058.

**CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH:**  
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-28) 6291 0607

**CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG:**  
Địa chỉ: Số 100 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-236) 3553 888

**PHÒNG GIAO DỊCH HÀN THUYỀN:**  
Địa chỉ: Tầng 2, Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội;  
Tel: 19006446  
Fax: (84-24) 3933 6168.

**PHÒNG GIAO DỊCH PHAN ĐĂNG LƯU:**  
Địa chỉ: Số 159C, Phan Đăng Lưu, Phường 1, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-28) 3995 6997

**PHÒNG GIAO DỊCH KỶ ĐỒNG:**  
Địa chỉ: Lầu 2, Số 14B Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-28) 6269 8587

**PHÒNG GIAO DỊCH TRẦN BÌNH TRỌNG:**  
Địa chỉ: Số 299 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh;  
Điện thoại: 19006446  
Fax: (84-28) 3830 8028

**PHÒNG GIAO DỊCH SƯƠNG NGUYỆT ÁNH:**  
Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà 10B Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 19006446

# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Năm 2023, FPTS hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng giám đốc.

Đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, FPTS hiện có các khối nghiệp vụ (Khối Tư vấn đầu tư, Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Khối Phân tích đầu tư, Khối chức năng). Công ty không có công ty con, không có công ty liên kết.



## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 - 2023



**Ông NGUYỄN VĂN DŨNG**

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1976  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Ngân hàng, Cử nhân Ngoại ngữ (Chuyên ngành Tiếng Anh)

- 1996 – 1998: Cán bộ tín dụng, Cán bộ quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương.
- 1998 – 2006: Cán bộ Tài trợ thương mại, Trợ lý giám đốc Ngân hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội.
- 2006 – 2007: Phụ trách nghiệp vụ Tài trợ thương mại Ngân hàng HSBC, chi nhánh Hà Nội.
- 2007 – 03/2021: Giám đốc tư vấn đầu tư Công ty cổ phần chứng khoán FPT.
- 04/2018 – 7/2020: Thành viên HĐQT CTCP Chứng khoán FPT.
- 04/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán FPT.
- 08/2020 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán FPT.





Ông NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

#### Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1968  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

- ↘ 1991 – 1993: Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần FPT.
- ↘ 1993 – 2004: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT
- ↘ 2004 – 2007: Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kế hoạch – Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FPT.
- ↘ 2007 – 2010: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FPT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- ↘ 2010 – 07/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- ↘ 08/2020 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



Ông ĐỖ SƠN GIANG

#### Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1973  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- ↘ 1997 – 2000: Kế toán viên Công ty Cổ phần FPT.
- ↘ 2001 – 2003: Phó ban kế hoạch tài chính Công ty Cổ phần FPT.
- ↘ 2003 – 2010: Kế toán trưởng, Trưởng ban kế toán tài chính Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS).
- ↘ 2010 – 2017: Phó Tổng Giám đốc, Trưởng ban kế toán tài chính Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- ↘ 2017 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



Ông TARO UENO

#### Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1982  
Quốc tịch: Nhật Bản  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- ↘ 11/2005 – 01/2009: Trợ lý giám đốc tại Phòng ngân hàng doanh nghiệp số 16 Ngân hàng Mizuho, Ltd. Tokyo, Nhật Bản.
- ↘ 01/2009 – 09/2012: Trợ lý Giám đốc Ngân hàng Mizuho, Ltd. Phòng tài chính thương mại toàn cầu tại Singapore.
- ↘ 09/2012 – 07/2014: Giám đốc Ngân hàng Mizuho, Ltd. Phòng tài chính thương mại toàn cầu tại Hồng Kông.
- ↘ 07/2014 – 03/2018: Giám đốc tài chính doanh nghiệp Ngân hàng Mizuho, Ltd. Chi nhánh Hà Nội, Việt Nam.
- ↘ 03/2018 – 01/2019: Giám đốc Khối ngân hàng doanh nghiệp số 18 Ngân hàng Mizuho, Ltd. Tokyo, Nhật Bản.
- ↘ 02/2019 – nay: Giám đốc Khối quản lý kinh doanh tại nước ngoài Tập đoàn SBI Holdings, Tokyo, Nhật Bản.
- ↘ 11/2019 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Utop, Việt Nam.
- ↘ 04/2020 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- ↘ 05/2020 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT.



Ông TRẦN THANH TÙNG

#### Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1978  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- ↘ 12/2001 – 11/2004: Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán Sài Gòn.
- ↘ 11/2004 – 04/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Trung tâm Văn hóa Thể thao Giải trí Hà Nội.
- ↘ 04/2007 – 04/2008: Chuyên viên tư vấn tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- ↘ 04/2008 – 09/2017: Kế toán trưởng kiêm trưởng ban kiểm soát và Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Thế Giới số Trần Anh.
- ↘ 01/2018 – 08/2021: Trưởng phòng tài chính kiêm trưởng phòng Sales Operation Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc.
- ↘ 01/2022 – nay: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
- ↘ 03/2022 – nay: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

## BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của FPTS gồm 03 thành viên.



Ông NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT  
(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)



Ông NGUYỄN VĂN DŨNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT  
(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh: 1974  
Quốc tịch: Việt Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán

- 1994 – 2003: Kế toán Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT
- 2003 – 2004: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phân phối FPT
- 2004 – 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH Giải pháp phần mềm FPT
- 01/2007 – 06/2007: Kế toán Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT
- 07/2007 – Nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- 04/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

## ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị của Công ty có 02 thành viên.



Ông TRẦN THANH TÙNG

Chủ tịch Ủy ban kiểm toán kiêm Thành viên độc lập HĐQT  
(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)

Thành viên Ủy ban kiểm toán - Thành viên HĐQT  
(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)



Ông ĐỖ SƠN GIANG



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

FPTS tiếp tục thận trọng trong các hoạt động đầu tư, lựa chọn danh mục chứng khoán cho vay; lựa chọn áp dụng các giải pháp bảo mật trong các giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư; công bố thông tin minh bạch tạo niềm tin cho khách hàng và cổ đông FPTS; tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên hai giá trị cốt lõi là con người và công nghệ.

### Về Con người

FPTS tiếp tục với định hướng mở rộng đội ngũ nhân sự đi đôi với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh việc đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, FPTS đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

### Về Công nghệ

FPTS tiếp tục kiên định với định hướng: Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch và trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

## THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng hợp đến ngày 31/12/2023

Tổng số cổ phần	214.564.987 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/cổ phần
Cổ phiếu quỹ (*)	0 cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	214.564.987 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	1.773.210 cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	212.791.777 cổ phần

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2023: Trong năm công ty không phát sinh nghiệp vụ có liên quan.

- ↘ Giá trị cổ phiếu quỹ đầu kỳ: 0 đồng
- ↘ Số lượng mua: 0 cổ phiếu
- ↘ Giá trị cổ phiếu quỹ tăng thêm: 0 đồng
- ↘ Số lượng bán: 0 cổ phiếu
- ↘ Giá trị cổ phiếu quỹ giảm đi: 0 cổ phiếu
- ↘ Giá trị cổ phiếu quỹ cuối kỳ: 0 đồng



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN

Tổng hợp đến thời điểm 31/12/2023

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
	Cổ đông lớn	90.845.489	42,34
1	Trong nước	38.413.103	17,90
	Nước ngoài	52.432.386	24,44
	Cổ đông khác	123.719.498	57,66
2	Trong nước	121.818.913	56,77
	Nước ngoài	1.900.585	0,89
	Tổng cộng	214.564.987	100

Danh sách cổ đông lớn: Tổng hợp theo danh sách chốt tại ngày 31/12/2023

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu/VDL
1	Công ty Cổ phần FPT	Số 10 phố Phạm Văn Bạch, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	38.413.103	17,90%
2	SBI Financial Service Co.,Ltd	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan	52.432.386	24,44%

## LỊCH SỬ TĂNG VỐN

STT	Năm	Vốn điều lệ	Nội dung tăng vốn
1	13/7/2007	200.000.000.000	Thành lập Công ty.
2	12/2007	440.000.000.000	Tăng vốn từ phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu cho CBNV.
3	4/2011	550.000.000.000	Tăng vốn từ phát hành 11.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho SBI Securities.
4	6/2012	733.323.900.000	Tăng vốn từ chia thưởng tỷ lệ 3:1 cho cổ đông hiện hữu.
5	6/2015	806.648.700.000	Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 10:1, cho cổ đông hiện hữu.
6	6/2016	903.437.270.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 12%.
7	6/2017	993.769.520.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
8	6/2018	1.093.136.880.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
9	6/2019	1.202.440.510.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
10	7/2020	1.322.673.490.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
11	8/2021	1.454.930.970.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
12	8/2021	1.475.672.970.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2021.
13	9/2022	1.950.599.510.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2022 Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 20%. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu, tỷ lệ 10%.
14	6/2023	2.145.649.870.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.



## RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

### Nguyên tắc quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT có nhiệm vụ xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như để ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- Quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Công ty, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán;
- Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty;
- Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của công ty và bối cảnh thị trường.



## RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp)

### RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh chính của FPTS có tiềm ẩn rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, phát hành chứng quyền có bảo đảm và sản phẩm chứng khoán phái sinh. Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của Chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới việc giảm sút doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu các rủi ro này, FPTS đảm bảo duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận quản trị rủi ro từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

### RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi FPTS mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại FPTS. Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, lên tới 217.351 tài khoản giao dịch trên thị trường cơ sở và 31.234 tài khoản chứng khoán phái sinh năm 2023, với hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, FPTS phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Công ty vẫn linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi Nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. Năm 2023 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của FPTS về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào.

### RỦI RO PHÁP LÝ

FPTS hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Rủi ro luật pháp tại FPTS là rủi ro liên quan đến việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp Công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong Công ty giúp Công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động.

### RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán là rủi ro khi một/một số khách hàng hoặc đối tác không thể thanh toán đầy đủ/đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ/đúng hạn như cam kết. Để hạn chế tối đa các ảnh hưởng/thiệt hại của rủi ro thanh toán đối với hoạt động và hiệu quả hoạt động của công ty, FPTS thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện phân cấp thẩm quyền để xuất và phê duyệt hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một Khách hàng theo Quy định Quản lý rủi ro hoạt động hỗ trợ vốn cho khách hàng của FPTS nhằm đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên việc cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ của FPTS phải quy định rõ ràng các điều khoản để thực hiện việc bán thanh lý. Khi giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản vay giao dịch ký quỹ xuống đến một mức nhất định/đến thời điểm đáo hạn hợp đồng giao dịch ký quỹ thì FPTS phải thực hiện việc bán thanh lý tài sản đảm bảo để đảm bảo việc thu hồi vốn vay, lãi vay, các loại phí (nếu có) của FPTS.

- Sử dụng phần mềm EzMargin để quản lý trạng thái các giao dịch ký quỹ, thực hiện cảnh báo và lệnh xử lý bán tự động trong các giao dịch ký quỹ giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.



### RỦI RO NHÂN LỰC

Do đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chất lượng cao là sống còn với các công ty chứng khoán. Khi TTCK tăng trưởng, sự cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán trong việc thu hút nhân lực là rất gay gắt. Ngược lại khi TTCK sụt giảm thì hiện tượng chảy máu chất xám ồ ạt từ lĩnh vực chứng khoán sang các lĩnh vực khác làm cho các doanh nghiệp chứng khoán thiếu hụt nhân sự trầm trọng. Tuy nhiên xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, mang đậm văn hóa FPT. Nhờ những nỗ lực trong việc xây dựng đội ngũ nhân sự, trọng dụng nhân tài, chú trọng đầu tư đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, để cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã và đang tạo ra được sự ổn định về mặt nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao. Hiện nay FPTS đang có hơn 500 cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm làm việc ở cả môi trường trong nước và quốc tế. Sự ổn định về nguồn nhân lực chính là sức mạnh để FPTS được thực hiện mục tiêu đã đề ra, xác lập được vị thế của công ty trên thị trường.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

## 2

- 30 Tổng quan ngành chứng khoán Việt Nam năm 2023
- 31 Kết quả kinh doanh năm 2023
- 37 Tổ chức và nhân sự





# TỔNG QUAN NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2023

Thị trường chứng khoán năm 2023 ghi nhận hai giai đoạn, sau quý đầu năm có phần âm ảm, thị trường chứng khoán bắt đầu “nóng” dần từ đầu tháng 5 với các luồng thông tin hỗ trợ đến từ chính sách tiền tệ nới lỏng hơn, các nỗ lực tháo gỡ khó khăn của thị trường trái phiếu và bất động sản của Chính phủ. Chỉ số VNIndex đi lên mạnh mẽ và có pha bùng nổ với đỉnh cao nhất năm 1255,11 vào giữa tháng 9, đây cũng là khoảng thời gian giao dịch rất sôi động với nhiều phiên khớp lệnh tỷ USD. Tuy nhiên, áp lực chốt lời mạnh cùng một số yếu tố tác động từ bên ngoài đã khiến thị trường quay đầu điều chỉnh. VN-Index có thời điểm gần đánh mất thành quả tăng giá từ đầu năm khi lùi về sát mốc 1.000 điểm hồi cuối tháng 10. Nhịp hồi phục trong 2 tháng cuối năm chưa đủ để đưa VN-Index về đỉnh cũ nhưng cũng kịp kéo chỉ số lên trên 1.100 điểm.

Kết thúc năm 2023, VNIndex đạt 1129,93 so với mốc 1007,09 cuối năm 2022, tăng 12,2%, tương đối khả quan so với một số thị trường chứng khoán khác tại Châu Á. Đánh giá chung năm 2023 tiếp tục là một năm thăng trầm với thị trường chứng khoán, xu hướng chung là hồi phục, mặc dù con đường khá “gập ghềnh” và không ít những dấu ấn đáng chú ý.

Số lượng tài khoản nhà đầu tư tham gia thị trường đến hết ngày 31/12/2023 có 7.292.361 tài khoản hoạt động, tăng 5,73% so với cuối năm 2022. Đây là tốc độ tăng giảm đi rất nhiều so với giai đoạn từ 2020 – 2022 do sức nóng của thị trường đã phần nào hạ nhiệt và trong quý IV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã làm sạch dữ liệu thông tin người dùng chứng khoán, loại bỏ đi những tài khoản ảo, không hoạt động. Tuy nhiên số lượng tài khoản này vẫn đạt trên mức mục tiêu 5% dân số do Chính phủ đề ra trong Đề án Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Nhìn lại hoạt động cả năm 2023, có thể điểm lại một số sự kiện, vấn đề nổi bật của thị trường chứng khoán Việt Nam như sau:

Trong năm 2022, các doanh nghiệp trong ngành chứng khoán cũng đẩy mạnh việc tăng vốn và gia tăng cạnh tranh thị phần do quy mô nhà đầu tư không ngừng tăng lên khiến áp lực cạnh tranh cũng khốc liệt hơn, đặc biệt là cuộc chiến chi phí giao dịch và nhân sự. Bên cạnh đó, một số các công ty chứng khoán có vốn nước ngoài cũng bắt đầu tham gia vào thị trường với nền tảng vốn dồi dào cũng như kinh nghiệm từ những nền tài chính phát triển hơn cũng khiến cho cuộc đua về thị phần chứng khoán thêm căng thẳng.

- Ngày 19/07/2023, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ chính thức được đưa vào vận hành, đây được xem là một dấu mốc quan trọng trong chặng đường phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam theo hướng minh bạch, lành mạnh, bền vững hơn;

- Cơ quan chức năng mạnh tay với các vi phạm hành chính trên thị trường, quyết tâm thanh lọc thị trường chứng khoán: Hàng loạt các sai phạm liên quan đến chứng khoán đã bị xử lý hành chính trong năm 2023 liên quan đến quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin, trong đó có 3 vụ việc đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đã được cơ quan điều tra khởi tố (vụ án thao túng cổ phiếu FLC, vụ án thao túng cổ phiếu TGG và BII thuộc nhóm Louis Holding, thao túng cổ phiếu API, APS và IDJ thuộc nhóm APEC). Hàng loạt sai phạm bị “phanh phui” ít nhiều tác động mạnh đến thị trường và tâm lý nhà đầu tư.

- Số lượng doanh nghiệp niêm yết mới rất thấp do ảnh hưởng của diễn biến thị trường kém khả quan: Theo số liệu thống kê, tại HSX và HNX mỗi sàn chỉ niêm yết mới 4 cổ phiếu trong cả năm 2023. Trong khi đó với kết quả kinh doanh thua lỗ liên tục cũng như nhiều vi phạm công bố thông tin khiến hàng loạt doanh nghiệp phải hủy niêm yết bắt buộc và chuyển sàn, theo thống kê tại sàn HSX và HNX số mã bị hủy niêm yết bắt buộc lần lượt là 11 và 17 mã.

- Tình hình phát hành cổ phiếu huy động vốn của doanh nghiệp giảm mạnh: Nguyên nhân có thể kể đến yếu tố khách quan là sự khó khăn của nền kinh tế, thị trường chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư vẫn còn dè dặt, bên cạnh đó là yếu tố nội tại doanh nghiệp suy giảm, sau khi chịu áp lực từ các thách thức vĩ mô trong và ngoài nước, hệ quả từ dịch Covid-19. Năm 2023 là năm trầm

lắng của hoạt động huy động vốn sau giai đoạn 2021-2022 bùng nổ với các con số kỷ lục. Theo số liệu đến cuối tháng 10/2023, huy động vốn thông qua chào bán cổ phiếu đạt 50.527 tỷ đồng. Năm 2022 giá trị vốn huy động qua phát hành cổ phiếu đạt 116.684 tỷ đồng, năm 2021 đạt 102.500 tỷ đồng.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 hứa hẹn vẫn còn nhiều khó khăn nhưng bên cạnh đó cũng có nhiều điểm sáng phải kể đến như: Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng cao trên mức nền tảng tăng trưởng thấp của kinh tế toàn cầu trong năm 2023, dự kiến kinh tế toàn cầu tăng trưởng khả quan hơn trong năm 2024, điều này cũng sẽ giúp kinh tế Việt Nam hồi phục và trở thành bàn đạp cho thị trường chứng khoán; Dự kiến hệ thống KRX được đưa vào hoạt động sớm trong năm 2024, từ đó có thể triển khai được những sản phẩm tài chính thích hợp trên thị trường, ngoài ra cũng phải kể đến kế hoạch triển khai sản phẩm phái sinh theo chỉ số VN100 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Tháng 9/2024, kỳ vọng FTSE sẽ có quyết định về việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam khi giải quyết được yếu tố về tỉ lệ ký quỹ của nhà đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở các yếu tố tích cực kể trên, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 được kỳ vọng sẽ phát triển cả về quy mô và chất lượng, tiếp tục khẳng định là kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả cho nền kinh tế và là công cụ quản lý vĩ mô quan trọng của Chính phủ.

## KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

### KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	TỶ LỆ HOÀN THÀNH (%)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	770	921	119,61%
2	Lãi trước thuế thực hiện	Tỷ đồng	420	510	121,44%
3	Nhân viên	Người	530	505	95,28%
4	Lãi trước thuế đã thực hiện /Vốn điều lệ	%	19,57	23,77	121,44%
5	Số tài khoản chứng khoán	Tài khoản	229.500	217.351	94,71%

Trong năm 2023, đối mặt với nhiều khó khăn của kinh tế trong và ngoài nước, cùng với sự cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán, kết quả kinh doanh của FPTS có sự giảm sút so với năm 2022. Tuy vậy, công ty đã không ngừng nỗ lực tăng doanh thu và tiết giảm chi phí để hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

#### Các vấn đề khác:

**Tổ chức, nhân sự:** Trong năm 2023 về cơ bản Công ty giữ nguyên cơ cấu, tổ chức, nhân sự. Nhân sự đầu năm 501 người, cuối năm 505 người.

**Công nghệ:** Hoàn thành EzIR dành cho khách hàng doanh nghiệp; Mở tài khoản định danh eKYC; Thay đổi phương thức xác thực mật khẩu tĩnh sang mật khẩu OTP; Ra mắt sản phẩm margin T+; Nâng cấp hạ tầng công nghệ để đáp ứng lượng giao dịch lớn hơn nhiều.

#### Khác:

- Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5%. Hoàn thành phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 10% theo nghị quyết ĐHCĐ 2023 đã thông qua.

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.

- Hoàn thiện hệ thống quy trình, vận hành theo quy trình và thực hiện đánh giá chất lượng.

- Trong hoạt động của mình, công ty luôn gắn liền mục tiêu lợi nhuận với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Công ty cũng đã phối hợp với Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức nhiều hội thảo để tăng sự hiểu biết của cộng đồng đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán nói chung. Đối với người lao động, công ty luôn quan tâm chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao, ...

## KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	Tăng trưởng (%)
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>	850,24	944,17	11,05%
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	(123,92)	155,20	225,24%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	519,90	443,22	-14,75%
Doanh thu môi giới chứng khoán	408,38	297,41	-27,17%
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3,85	4,07	5,78%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9,80	11,10	13,25%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	31,89	32,77	2,77%
Thu nhập hoạt động khác	0,34	0,39	12,09%
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	335,30	328,96	-1,89%
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	0,75	2,88	286,11%
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các	86,52	116,14	34,22%
Chi phí hoạt động tự doanh	0,02	0,11	466,00%
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	216,78	174,88	-19,33%
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-
Chi phí nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	3,27	3,77	15,44%
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	15,01	16,62	10,72%
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	12,95	14,57	12,48%
Chi phí các dịch vụ khác	-	-	-

Chỉ tiêu	2022	2023	Tăng trưởng (%)
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	1,37	9,11	566,22%
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	1,37	9,11	566,22%
<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	76,67	83,58	9,02%
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	439,64	540,73	22,99%
<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>	1,89	1,21	-35,89%
Thu nhập khác	57,58	48,68	-15,46%
Chi phí khác	55,69	47,46	-14,77%
<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	441,53	541,94	22,74%

Mặc dù doanh thu đến từ hai hoạt động chính là Môi giới chứng khoán và lãi từ các khoản cho vay có sự sụt giảm so với năm 2022, tương ứng tỷ lệ giảm 27,17% và 14,75%. Nhưng việc FVTPL chuyển từ -123,92 tỷ đồng năm 2022 sang dương 155,2 tỷ đồng năm 2023 đã giúp tổng doanh thu tăng, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh tích cực của Công ty.





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

### Cơ cấu tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	Tăng trưởng
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	5.087,81	8.045,92	58,14%
Tài sản tài chính	5.081,04	8.041,27	58,26%
Tài sản ngắn hạn khác	6,77	4,64	-31,44%
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200,19	188,77	-5,71%
Tài sản tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định	166,70	155,49	-6,72%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	33,49	33,28	-0,64%
Dự phòng suy giảm giá tài sản dài hạn	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	5.288,00	8.234,68	55,72%

Cơ cấu tài sản của công ty tăng từ 5.288 tỷ đồng lên 8.234,68 tỷ đồng, tăng mạnh 55,72% do tăng các khoản tương đương tiền, tăng các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tăng các khoản cho vay. Trong đó, các khoản cho vay, cụ thể là các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và cho vay nghiệp vụ ứng trước có tác động mạnh nhất đến cơ cấu tổng tài sản. Các chỉ tiêu tài sản ngắn và dài hạn khác không có sự biến động mạnh hoặc không tác động đáng kể đến cơ cấu tài sản của Công ty.

### Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	Tăng trưởng
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	1.939,97	4.590,75	136,64%
Nợ phải trả ngắn hạn	1.939,97	4.590,75	136,64%
Nợ phải trả dài hạn	-	-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	3.348,03	3.643,94	8,84%
Vốn chủ sở hữu	3.348,03	3.643,94	8,84%
Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	5.288,00	8.234,68	55,72%

Phân tích: Tương ứng với tài sản, nguồn vốn trong năm 2023 cũng tăng mạnh 55,72%, trong đó nợ phải trả và vốn chủ sở hữu tăng lần lượt 136,64% và 8,84%. Nguồn vốn đối ứng với mức tăng tài sản chủ yếu là nguồn nợ phải trả và toàn bộ là nợ phải trả ngắn hạn. Cụ thể, các khoản mục nợ phải trả tăng mạnh nhất là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác. Đối với vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trong năm 2023 đã tăng lên thêm hơn 1.800 tỷ, tương ứng tăng 140,68% so với năm 2022, phần lớn là khoản vay ngắn hạn các ngân hàng thương mại để tài trợ các hoạt động của Công ty. Các khoản phải trả, phải nộp khác trong kỳ đạt 1.306,14 tỷ, tương ứng tăng 157,18% so với năm 2022.

Công ty cũng không có các khoản nợ quá hạn và không chịu sự ảnh hưởng của tác động tỷ giá hối đoái lên các tài sản của Công ty.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (tiếp)

### Chỉ số tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,43	2,62	1,75
Hệ số thanh toán tức thời	Lần	0,29	0,14	0,27
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số nợ/ tổng tài sản bình quân	%	100,74	26,32	67,90
Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu bình quân	%	249,70	61,29	131,31
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu bình quân	Lần	0,53	0,27	0,27
Doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân	Lần	0,22	0,12	0,14
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	%	61,15	37,43	47,12
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	13,17	4,32	6,58
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân(ROE)	%	32,63	10,05	12,73

**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:** Do tốc độ tăng nợ phải trả trong năm 2023 nhanh hơn tốc độ tăng tiền mặt nên hệ số thanh toán ngắn hạn giảm mạnh, nhưng vẫn ở mức an toàn đối với cơ cấu tài chính của Công ty. Do lượng tiền và tương đương tiền tăng mạnh trong năm nên hệ số thanh toán tức thời được cải thiện.

**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Hệ số nợ trên tổng tài sản bình quân và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu bình quân đều tăng mạnh do cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2023 gia tăng sử dụng đòn bẩy tài chính. Hiện tại cơ cấu vốn của Công ty bao gồm 67,90% là nguồn nợ phải trả, và toàn bộ đều là nợ phải trả ngắn hạn, không có nợ phải trả dài hạn; và 32,10% là nguồn vốn chủ sở hữu.

**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Trong năm 2023, do tốc độ tăng doanh thu hoạt động và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu là tương đương nhau nên chỉ tiêu doanh thu hoạt động/vốn chủ sở hữu bình quân không có sự thay đổi so với năm 2022. Năm 2023, Công ty tăng mạnh tổng tài sản qua các khoản cho vay cùng với việc tăng doanh thu hoạt động, nên chỉ số doanh thu hoạt động trên tổng tài sản bình quân ghi nhận tăng so với năm 2022 cho thấy hiệu quả của Công ty trong việc sử dụng vốn để kinh doanh. Đối với doanh thu hoạt động, mảng doanh thu đóng góp lớn nhất là lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** Trong năm 2023, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 39,81% đạt 444,917 tỷ đồng. Các chi phí hoạt động được giữ ổn định, giảm 1,89% so với năm 2022 đã đóng góp lớn và kết quả lợi nhuận tích cực. Vì vậy, các hệ số về khả năng sinh lời trong năm 2023 đều tích cực hơn so với năm 2022.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Đơn vị: Người

STT	Tiêu chí	2023	2022
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	479	482
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	17	10
3	Lao động phổ thông	9	9
II	Theo giới tính		
1	Nam	268	257
2	Nữ	237	244
Tổng cộng		505	501

**Chính sách tuyển dụng:** Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn. Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Chính sách đào tạo Cán bộ:** Cán bộ, nhân viên tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

### Chính sách lương thưởng

**Chính sách trả lương:** Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Lương ngoài giờ: Công ty hỗ trợ và trả lương ngoài giờ theo đúng Bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể.

**Chính sách thưởng:** Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng thứ 13. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho cán bộ, nhân viên của Công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

**Chính sách phúc lợi xã hội:** Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, v.v...). Đặc biệt, Công ty có thực hiện chính sách mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện FPT Care cho toàn thể cán bộ, nhân viên. Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc, tổ chức cho cán bộ, nhân viên của Công ty tham gia các hoạt động tập thể, teambuilding... Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật cán bộ, nhân viên, ...).



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3

- 40 Đánh giá tình hình hoạt động của FPTS năm 2023
- 42 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
- 43 Triển vọng kinh doanh năm 2024





## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA FPTS NĂM 2023

Trong năm 2023, công ty đã mở mới 11.919 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 3.625 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2023 là 217.351 tài khoản chứng khoán cơ sở và 31.234 tài khoản chứng khoán phái sinh.

Tính chung năm 2023, công ty nằm trong TOP 10 về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền tại cả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Ngoài ra, công ty cũng đứng trong TOP 10 về thị phần môi giới chứng khoán phái sinh. Năm 2023, thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền tại hai Sở giao dịch chứng khoán HOSE và HNX lần lượt là 3,04% - đứng thứ 10 và 3,07% - đứng thứ 8 (Thị phần môi giới năm 2022 tại HOSE là 3,21% - đứng thứ 9 và tại HNX là 3,33% - đứng thứ 6).

Về mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp, công ty đã tập trung nâng cao trình độ của chuyên viên tư vấn, mở rộng thêm nhiều khách hàng doanh nghiệp. Cả năm 2023, doanh thu mảng này đã đạt 32,8 tỷ đồng.

Trong năm vừa qua, công ty tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các sản phẩm công nghệ hiện có đồng thời đã phát triển và ra mắt một số sản phẩm mới, đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ ổn định phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Ngoài việc tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng, công ty cũng đã dành sự quan tâm đáng kể đến đội ngũ người lao động và các trách nhiệm xã hội khác. Một vài hoạt động có thể kể đến là:

- Chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao,...
- Tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu về thị trường chứng khoán Việt Nam và trang bị kiến thức đầu tư tới đông đảo cộng đồng đầu tư, góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường.

Đánh giá chung trong năm 2023, công ty vẫn giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động của mình. Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã thực hiện năm 2023 đạt 921 tỷ đồng hoàn thành 119,61% kế hoạch doanh thu năm 2023, giảm 12,1% so với thực hiện năm 2022. Tổng lợi nhuận trước thuế đã thực hiện cả năm 2023 đạt 510 tỷ đồng hoàn thành 121,44% kế hoạch lợi nhuận năm 2023, giảm 20,07% so với thực hiện năm 2022.



# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng FPTS luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ.

FPTS áp dụng thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng;
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa;
- Vòi nước được lắp đặt với cơ chế nhấn hơi tiết kiệm nước;

Từ năm 2019, FPTS đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, nước, để duy trì và phát huy hiệu quả lâu dài của hoạt động này, trong các năm sau đó, FPTS đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Năm 2022, công ty đã thực hiện dán film chống nhiệt mặt kính tòa nhà để tiết kiệm năng lượng tối đa.

## TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Việc tuân thủ các luật định về Môi trường, Kinh tế, Xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh nghiệp đối với các tác động của mình. FPTS luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất. Điều đó giúp chúng tôi khẳng định năng lực quản lý của mình, hạn chế các nghĩa vụ khắc phục, tạo thế mạnh cho hồ sơ doanh nghiệp.

Bộ phận hành chính nhân sự và các bộ phận nghiệp vụ liên quan khác có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu pháp luật liên quan để đảm bảo sự tuân thủ và điều chỉnh tương ứng các hoạt động của Công ty. Công ty lập một danh mục các văn bản luật và các yêu cầu cụ thể để áp dụng với toàn thể cán bộ, công nhân viên.

### Bảo mật thông tin khách hàng

Trong bối cảnh bùng nổ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề về bảo mật thông tin trở thành vấn đề mà mọi doanh nghiệp đều quan tâm. FPTS luôn cố gắng duy trì sự riêng tư của khách hàng sử dụng dịch vụ của chúng tôi nhằm đảm bảo lợi ích của khách hàng và bản thân doanh nghiệp. Cam kết bảo mật này được quy định trong các thỏa thuận ràng buộc trong hợp đồng mà doanh nghiệp ký kết với từng đối tác cụ thể.

Chúng tôi quản trị vấn đề bảo mật thông tin khách hàng của mình thông qua một hệ thống được phân quyền theo các lớp module, phân quyền đến từng user. Các thông tin về bảo mật thông tin khách hàng được cập nhật đến Ban lãnh đạo thường xuyên hoặc theo thời điểm phát sinh vấn đề.

### Hoạt động trách nhiệm xã hội

Trải qua gần 17 năm xây dựng và phát triển, FPTS đã liên tục gặt hái được rất nhiều thành công, đạt được sự tin tưởng của khách hàng, khẳng định vị trí là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt

Nam. Trong nỗ lực không ngừng với mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, liên tục các năm qua FPTS đã đóng góp không nhỏ vào ngân sách của Nhà nước và địa phương; đảm bảo việc làm với thu nhập ổn định cho hàng trăm lao động; cung cấp ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất; cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch an toàn, thuận tiện, chính xác, nhanh chóng và công bằng, từ đó dẫn thay đổi bộ mặt thị trường chứng khoán, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả nước và kinh tế địa phương.

## TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngoài việc cung cấp các phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên, FPTS còn muốn trao quyền cho nhân viên của họ để có thể cải thiện con đường sự nghiệp của họ trong tương lai và chuẩn bị cho họ đối mặt với những thách thức toàn cầu của thị trường lao động. Vì vậy, chúng tôi chú trọng việc đào tạo cho các cấp độ nhân viên và lãnh đạo khác nhau của mình bằng nhiều hình thức. Bên cạnh đó, việc giáo dục và đào tạo nhân viên cũng góp phần giúp doanh nghiệp đảm bảo được yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng lao động và dịch vụ khách hàng.

Chúng tôi quản trị vấn đề giáo dục và đào tạo của mình thông qua một hệ thống các chương trình đào tạo nhân viên mới và đào tạo nghiệp vụ nội bộ. Báo cáo kết quả đào tạo được phòng Nhân sự báo cáo Ban Tổng giám đốc một năm một lần hoặc theo từng sự kiện diễn ra trong năm.

Ngoài ra định kỳ hằng tháng, Công ty cũng trao thưởng cho chuyên viên tư vấn đầu tư có thành tích tốt nhất và vinh danh những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhất hằng năm nhằm tạo động lực phấn đấu, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

# TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2024

Bước vào năm 2024, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 được nhiều tổ chức dự báo ở mức thấp hơn so với năm 2023 với mức ước tính chỉ khoảng 2,4% ~ 2,7% trong bối cảnh xung đột địa chính trị leo thang và thương mại toàn cầu suy yếu. Liên Hiệp Quốc đã đưa ra dự báo tăng trưởng cho từng khu vực như sau: Mỹ 1,4%, Trung Quốc 4,7%, Nhật Bản 1,2%, Liên Minh Châu Âu 1,2% và khu vực các nước đang phát triển là 4,0%. Tuy xu hướng lạm phát có dấu hiệu giảm nhiệt, trong đó FED đã đưa ra các quan điểm cho rằng không cần phải tăng lãi suất nữa, tuy nhiên những rủi ro từ xung đột địa chính trị vẫn tiềm ẩn nguy cơ đẩy lạm phát lên cao, đào sâu thêm những bất ổn cho kinh tế thế giới. Như vậy, bối cảnh vĩ mô thế giới vẫn còn nhiều bất lợi cho kinh tế trong nước.

Đối với kinh tế Việt Nam, dự báo tăng trưởng GDP trong năm 2024 tăng từ 6% ~ 6,5% (tăng trưởng 2023 là 5,05%), chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng 4% ~ 4,5% (năm 2023 là 3,25%). Như vậy, mức dự báo tăng trưởng cho năm 2024 cho thấy có thể sáng sủa hơn năm 2023 nhưng vẫn được cho là một năm nhiều khó khăn, thách thức với các doanh nghiệp Việt Nam. Bội chi ngân sách theo kế hoạch khoảng 3,6% GDP, tương đương 399.400 tỷ đồng.

Thanh khoản và điểm số của thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 được hỗ trợ bởi mặt bằng lãi suất thấp và việc Chính phủ tập trung vào các chính sách kích thích tăng trưởng. Tuy vậy, lo ngại biến động mạnh tỷ giá sẽ có tác động tiêu cực tới thị trường. Bên cạnh đó, việc hệ thống KRX có thể chính thức được vận hành cũng sẽ là tin tích cực cho thị trường và các nhà đầu tư khi hệ thống giao dịch được nâng cấp. Đây cũng sẽ là các điều kiện quan trọng để tiến tới các mục tiêu nâng hạn cuối 2024 và 2025. Tuy nhiên, việc không có thêm sản phẩm mới, không có nhiều cổ phiếu mới được niêm yết / đăng ký giao dịch trên thị trường cũng là một điểm cần lưu ý, vừa là hạn chế và cũng là cơ hội trên thị trường. Xu hướng cạnh tranh về phí giao dịch, lãi suất cho vay margin giữa các công ty Chứng khoán khốc liệt hơn trước sẽ là một trong những khó khăn lớn và trực diện nhất trong năm 2024.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4

- 46 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- 46 Đánh giá chung của Hội đồng quản trị
- 48 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc
- 48 Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023
- 49 Phương hướng hoạt động năm 2024
- 49 Tổng kết

+130.99%

+55.90%

+30.88%

-0.95%



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2023, công ty đã mở mới 11.919 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 3.625 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2023 là 217.351 tài khoản chứng khoán cơ sở và 31.234 tài khoản chứng khoán phái sinh.

Tính chung năm 2023, công ty nằm trong TOP 10 về thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền tại cả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Ngoài ra, công ty cũng đứng trong TOP 10 về thị phần môi giới chứng khoán phái sinh. Năm 2023, thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền tại hai Sở giao dịch chứng khoán HOSE và HNX lần lượt là 3,04% - đứng thứ 10 và 3,07% - đứng thứ 8 (Thị phần môi giới năm 2022 tại HOSE là 3,21% - đứng thứ 9 và tại HNX là 3,33% - đứng thứ 6).

Về mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp, công ty đã tập trung nâng cao trình độ của chuyên viên tư vấn, mở rộng thêm nhiều khách hàng doanh nghiệp. Cả năm 2023, doanh thu mảng này đã đạt 32,8 tỷ đồng.

Trong năm vừa qua, công ty tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các sản phẩm công nghệ hiện có đồng thời đã phát triển và ra mắt một số sản phẩm mới, đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ ổn định phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Ngoài việc tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng, công ty cũng đã dành sự quan tâm đáng kể đến đội ngũ người lao động và các trách nhiệm xã hội khác. Một vài hoạt động có thể kể đến là:

- Chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao,...
- Tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu về thị trường chứng khoán Việt Nam và trang bị kiến thức đầu tư tới đông đảo cộng đồng đầu tư, góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường.

Đánh giá chung trong năm 2023, công ty vẫn giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động của mình. Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã thực hiện năm 2023 đạt 921 tỷ đồng hoàn thành 119,61% kế hoạch doanh thu năm 2023, giảm 12,1% so với thực hiện năm 2022. Tổng lợi nhuận trước thuế đã thực hiện cả năm 2023 đạt 510 tỷ đồng hoàn thành 121,44% kế hoạch lợi nhuận năm 2023, giảm 20,07% so với thực hiện năm 2022.

## ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị luôn xác định trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ. Đồng thời, HĐQT tiếp tục hoàn thiện năng lực quản trị Công ty, phù hợp với những thông lệ và chuẩn mực trên thế giới.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp. Trong các cuộc họp, HĐQT thông qua kết quả hoạt động của Công ty trong từng quý, sáu tháng và cả năm, nhận định thị trường, đưa ra kế hoạch cho quý tiếp theo và phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.



Chi tiết các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2023 như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01-2023/NQ/HĐQT/FPTS	31/01/2023	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023; Thông qua nội dung chương trình đại hội đồng cổ đông năm 2023.
2	02-2023/NQ/HĐQT/FPTS	08/03/2023	Thông báo về việc xin ý kiến bằng văn bản về việc Thông qua kế hoạch 5 năm 2023-2027; Miễn nhiệm bà Nguyễn Hà My thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ kể từ 09/03/2023; Bổ nhiệm bà Trần Thu Hà là thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ kể từ 09/03/2023.
3	03-2023/NQ/HĐQT/FPTS	28/03/2023	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, thành viên Ủy ban kiểm toán, Người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký công ty. Thống nhất triển khai thực hiện việc trả cổ tức bằng tiền và Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2022 cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua, đồng thời giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện. Chấp thuận việc thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT với người có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
4	04-2023/NQ/HĐQT/FPTS	07/04/2023	Thông báo về việc xin ý kiến bằng văn bản thành lập Phòng giao dịch Sương Nguyệt Ánh – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
5	05-2023/NQ/HĐQT/FPTS	26/04/2023	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý 1 và Kế hoạch kinh doanh Quý 2 năm 2023.
6	06-2023/NQ/HĐQT/FPTS	19/07/2023	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý 2 và Kế hoạch kinh doanh Quý 3 năm 2023.
7	07-2023/NQ/HĐQT/FPTS	25/10/2023	Thông qua Báo cáo Kết quả Kinh doanh Quý 3 và Kế hoạch kinh doanh Quý 4 năm 2023. Miễn nhiệm, bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty.

# HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Điều lệ công ty, HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và điều hành công việc hàng ngày của công ty.

Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục nên việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban điều hành được thực hiện nhịp nhàng và hiệu quả. Việc điều hành kinh doanh của Ban điều hành không bị cản trở, việc giám sát của HĐQT được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng các Nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông công ty.

Định kỳ hàng quý, HĐQT yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, những thuận lợi, khó khăn phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, HĐQT tổ chức họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong quý và yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

Trong năm Tổng giám đốc đã thực hiện trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý. Năm 2023, các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện. Nhờ đó, mặc dù thị trường chứng khoán năm 2023 gặp nhiều khó khăn, hoạt động kinh doanh của FPTC vẫn đảm bảo sự an toàn, chắc chắn; doanh thu đạt trên 119% và lợi nhuận đạt trên 121% so với mức kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã đưa ra.

## THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2023, ông Trần Thanh Tùng – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhận mức thù lao là 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng). Các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị không nhận thù lao.



## PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG DÀI HẠN

HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty và sự phân công của HĐQT một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông của công ty.

HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

HĐQT, kiểm toán nội bộ và Ban điều hành tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty;
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

### KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	% Tăng trưởng
Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã thực hiện (tỷ đồng)	845	921	-8,29%
Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện (tỷ đồng)	420	510	-17,65%
Nhân viên (người)	540	505	6,93%
Lãi trước thuế/ Vốn điều lệ	13,73%	23,77%	-42,24%

**Về công tác nhân sự:** Giữ nguyên cơ cấu, tổ chức, nhân sự; Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên.

#### Về Công nghệ:

- Thay đổi hệ thống để đảm bảo kết nối với hệ thống công nghệ mới của Sở GDCK.
- Tiếp tục chuyển đổi công nghệ để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn với số lượng giao dịch lớn
- Phát triển và cho ra đời sản phẩm/ tiện ích mới dành cho khách hàng

### TỔNG KẾT

Trong năm 2023, công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế là 541,9 tỷ đồng (trong đó lợi nhuận đã thực hiện là 510 tỷ đồng, lợi nhuận chưa thực hiện là 31,9 tỷ đồng).

HĐQT công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần chứng khoán FPT. HĐQT đã thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại.

Năm 2024 và các năm tới, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, lường trước khó khăn, mở rộng phát triển khách hàng và nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.





## QUẢN TRỊ CÔNG TY

# 5

- 52 Hội Đồng Quản Trị
- 54 Ủy ban kiểm toán
- 55 Giao dịch, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán
- 55 Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị công ty



## TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	17/01/2023	Ban hành Chính sách quản trị rủi ro FPTS năm 2023.
2	01-2023/NQ/HĐQT/FPTS	31/01/2023	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023; Thông qua nội dung chương trình đại hội đồng cổ đông năm 2023.
3	02-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	06/03/2023	Ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền tài chính FPTS
4	02-2023/NQ/HĐQT/FPTS	08/03/2023	Thông báo về việc xin ý kiến bằng văn bản về việc Thông qua kế hoạch 5 năm 2023-2027; Miễn nhiệm bà Nguyễn Hà My thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ kể từ 09/03/2023; Bổ nhiệm bà Trần Thu Hà là thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ kể từ 09/03/2023.
5	03-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	08/03/2023	Cử cán bộ đi nước ngoài.
6	03-2023/NQ/HĐQT/FPTS	28/03/2023	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, thành viên Ủy ban kiểm toán, Người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký công ty. Thống nhất triển khai thực hiện việc trả cổ tức bằng tiền và Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2022 cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua, đồng thời giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện. Chấp thuận việc thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT với người có liên quan quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
7	04-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	28/03/2023	Bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và thành viên Ủy ban kiểm toán
8	05-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	28/03/2023	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký công ty
9	06-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	28/03/2023	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
10	04-2023/NQ/HĐQT/FPTS	07/04/2023	Thông báo về việc xin ý kiến bằng văn bản thành lập Phòng giao dịch Sương Nguyệt Ánh – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
11	07-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	18/04/2023	Chốt ngày đăng ký cuối cùng là ngày 12/05/2023
12	08-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	24/04/2023	Triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
13	05-2023/NQ/HĐQT/FPTS	26/04/2023	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý 1 và Kế hoạch kinh doanh Quý 2 năm 2023.
14	09-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	08/06/2023	Tăng vốn điều lệ công ty do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
15	10-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	21/06/2023	Sửa đổi Phụ lục 01 Điều lệ công ty cập nhật vốn điều lệ.
16	06-2023/NQ/HĐQT/FPTS	19/07/2023	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý 2 và Kế hoạch kinh doanh Quý 3 năm 2023.
17	11-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	15/09/2023	Vay vốn VIB và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại VIB.
18	07-2023/NQ/HĐQT/FPTS	25/10/2023	Thông qua Báo cáo Kết quả Kinh doanh Quý 3 và Kế hoạch kinh doanh Quý 4 năm 2023. Miễn nhiệm, bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty.
19	12-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	25/10/2023	Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký công ty
20	13-2023/QĐ/HĐQT/FPTS	25/10/2023	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty kiêm thư ký công ty

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	10/4/2018	
2	Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	19/7/2007	
3	Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên HĐQT không điều hành	19/3/2010	
4	Ông Nguyễn Khắc Thành	Thành viên độc lập HĐQT	10/3/2011	28/03/2023
5	Ông Taro Ueno	Thành viên HĐQT không điều hành	07/4/2020	
6	Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên độc lập HĐQT	29/3/2022	

Tính đến 31/12/2023, Công ty có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

## CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	7/7	100%	
2	Ông Nguyễn Điệp Tùng	7/7	100%	
3	Ông Đỗ Sơn Giang	7/7	100%	
4	Ông Nguyễn Khắc Thành	2/7	100%	Không còn là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày 28/3/2023
5	Ông Taro Ueno	7/7	100%	
6	Ông Trần Thanh Tùng	7/7	100%	



## ỦY BAN KIỂM TOÁN

### DANH SÁCH THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Ông Trần Thanh Tùng	Chủ tịch	27/4/2022	Cử nhân
2	Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên	22/4/2021	Cử nhân

Ủy ban kiểm toán cho rằng, Ủy ban kiểm toán không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Ủy ban kiểm toán cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả với tình hình trong nước và ngoài nước. Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT trong năm qua đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ tiện ích cho các nhà đầu tư, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Trong năm 2023 thị trường chứng khoán có thể vẫn diễn biến khó lường vì vậy Hội đồng Quản trị tiếp tục cần có cái nhìn thận trọng, không chủ quan, cần đánh giá kỹ các tác động của các chính sách vĩ mô đến thị trường chứng khoán, lường trước các rủi ro để xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và có các hành động phòng ngừa phù hợp, kịp thời, tránh các tổn thất có thể xảy ra trong tương lai.

### GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY, HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ	Nội dung	Số tiền
1	Công ty Cổ phần FPT	Cổ đông lớn	Dịch vụ trả hộ cổ tức; dịch vụ quản lý cổ đông chưa tái lưu ký; dịch vụ tư vấn công bố thông tin.	80.300.000 VNĐ
2	SBI Financial Services Co.,Ltd	Cổ đông lớn	Phí lưu ký, phí môi giới, phí chuyển tiền.	32.853.458 VNĐ
3	Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Người có liên quan của người nội bộ Đỗ Sơn Giang	Bản quyền phần mềm, dịch vụ tin học. Dịch vụ bảo hành. Dịch vụ tin học	1.691.025.010 VNĐ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM
			SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CP	TỶ LỆ	
1	SBI Financial Services Co., Ltd.	Tổ chức có liên quan của người nội bộ Taro Ueno	46.791.806	23,99	52.432.386	24,44	- Mua thêm - Nhận cổ phiếu thưởng
2	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc	342.202	0,18	96.632	0,05	- Nhận cổ phiếu thưởng - Bán một phần
3	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	532.561	0,27	326.817	0,15	- Nhận cổ phiếu thưởng - Bán một phần
4	Trịnh Thanh Hằng	Người được ủy quyền Công bố thông tin. Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty.	117.590	0,06	41.549	0,02	- Nhận cổ phiếu thưởng - Bán một phần

### CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Năm 2023, ông Trần Thanh Tùng – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhận tổng mức thù lao là 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng). Các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị không nhận thù lao.

#### Lương của Ban Tổng giám đốc năm 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG NĂM 2023 (đồng)
1	Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc	756.690.000
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó tổng giám đốc	546.440.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó tổng giám đốc	511.790.000

### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2023, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty CP chứng khoán FPT. Công ty đã thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại.

Các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Thư ký Công ty và các bộ phận liên quan đã được đào tạo và thường xuyên cập nhật các quy định mới về quản trị công ty. HĐQT, Ban điều hành đã cử đại diện tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về công tác quản trị công ty, các thông lệ tốt về quản trị công ty trong khu vực và thế giới, cập nhật các quy định mới về luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, các nghị định, thông tư hướng dẫn,... do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Deloitte, VIOD,... phối hợp tổ chức.





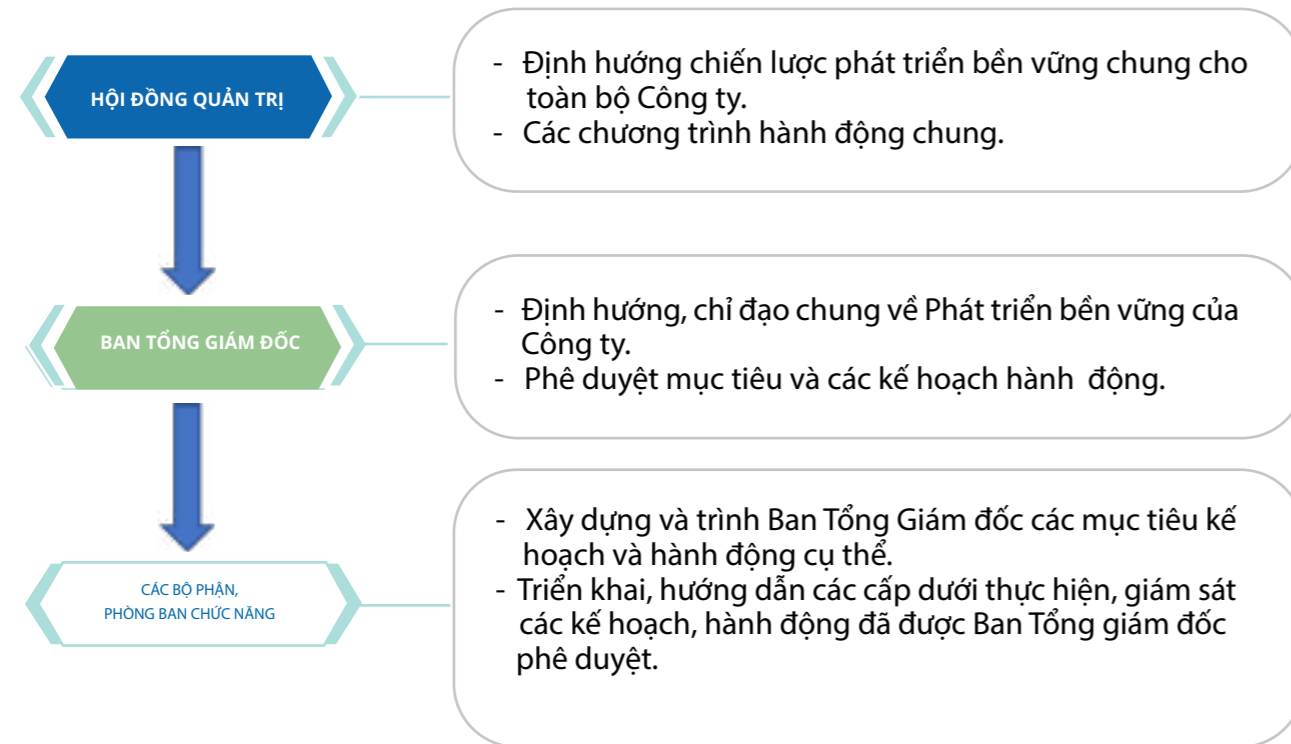
# 6

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 58 Mô hình phát triển bền vững
- 58 Chiến lược về phát triển bền vững
- 60 Hoạt động phát triển bền vững



## MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## CHIẾN LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững gắn với 3 mũi nhọn: Tăng trưởng kinh tế - Trách nhiệm xã hội - Bảo vệ môi trường:

### TÁC ĐỘNG KINH TẾ

- Hướng đến tăng trưởng ổn định và bền vững hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của đất nước.
- Đóng góp cho sự phát triển của kinh tế các địa phương mà công ty hoạt động.
- Chất lượng lợi nhuận để đóng góp các nghĩa vụ tài chính vào ngân sách nhà nước.
- Tạo ra giá trị cho cổ đông thông qua tăng trưởng giá trị doanh nghiệp và chính sách cổ tức hiệu quả.



### TÁC ĐỘNG VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

- Tạo công ăn việc làm và môi trường phát triển toàn diện cho người lao động.
- Hướng các hoạt động kinh doanh đến sự phát triển bền vững và lành mạnh của thị trường tài chính và chứng khoán Việt Nam.
- Cung cấp các giải pháp tài chính cho thị trường: hệ thống giao dịch chứng khoán hiệu quả, dịch vụ chứng khoán kèm theo, tư vấn cho doanh nghiệp.
- Trở thành doanh nghiệp niêm yết với hiệu quả hoạt động tích cực, đóng góp cho sự phát triển chung của sàn chứng khoán niêm yết.
- Đảm bảo quyền lợi cho khách hàng, đặc biệt là cộng đồng nhà đầu tư non trẻ trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bằng quy trình quản trị chặt chẽ.
- Đóng góp tích cực cho cộng đồng bằng các hoạt động quyền góp, thiện nguyện và chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về tài chính và chứng khoán cho cộng đồng.

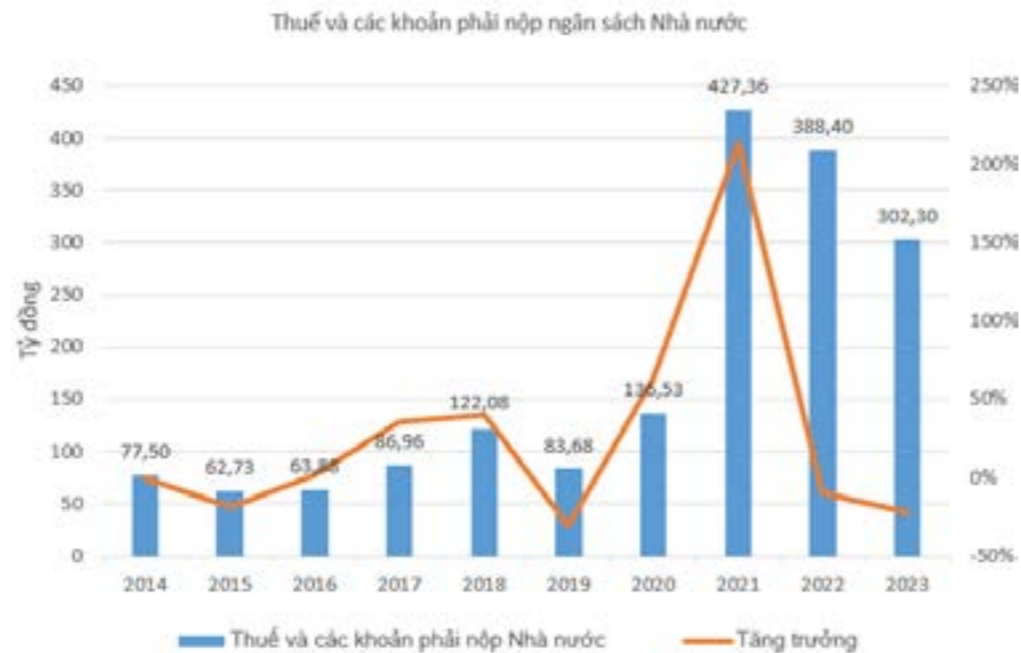
### TÁC ĐỘNG VỚI MÔI TRƯỜNG

- Định hướng phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính nhằm phát triển thị trường vốn xanh.
- Kiến tạo môi trường làm việc thân thiện với người lao động.
- Giảm thiểu tác động của xả thải khí carbon cũng như các chất thải khác. Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và văn phòng phẩm. Thực hành tiết kiệm các nguồn tài nguyên hữu hạn như điện, nước, xăng.
- Hướng đến sử dụng các phương tiện thiết bị, máy móc, đồ dùng văn phòng thân thiện với môi trường và con người hơn.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường đối với người lao động trong công ty cũng như cộng đồng.
- Tạo điều kiện cho các ý tưởng, sáng kiến về bảo vệ môi trường được thực hiện.



## HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC



Trong giai đoạn 2014 – 2023, đóng góp vào ngân sách nhà nước của FPTS nhìn chung có xu hướng tăng, đặc biệt trong năm 2021 khi thị trường chứng khoán bùng nổ. Tuy số thuế nộp ngân sách của FPTS năm 2023 giảm so với năm 2022 nhưng vẫn ở mức cao hơn trung bình giai đoạn 10 năm từ năm 2014 đến năm 2023.

### PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Hoạt động tại 3 khu vực kinh tế lớn của cả nước là Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh với 1 trụ sở chính, 2 chi nhánh và 5 phòng giao dịch cùng hơn 500 cán bộ, nhân viên và người lao động, FPTS đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế địa phương cũng như là một đối tác uy tín đối với các nhà cung cấp địa phương, tạo ra công ăn việc làm ổn định cho người lao động.

### ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Trong năm 2023, đã có 11.919 tài khoản chứng khoán được mở mới tại FPTS, góp phần không nhỏ vào tăng trưởng nhà đầu tư tham gia vào thị trường. Công ty cũng cung cấp đa dạng các dịch vụ chứng khoán cá nhân như EzTrade, EzMargin, phục vụ từ nhu cầu giao dịch đến cho vay ký quỹ, ... Ngoài ra, FPTS cũng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp, từ các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đến quản trị doanh nghiệp, đặc biệt có thể kể đến EzGSM là giải pháp tiên phong về Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hỗ trợ rất lớn cho doanh nghiệp đại chúng nhất là trong giai đoạn dịch bệnh. Công ty cũng có đội ngũ phân tích với kinh nghiệm và sự am hiểu với nhiều ngành nghề cũng như kinh tế vĩ mô, tạo ra nhiều báo cáo phân tích có chất lượng được thị trường đánh giá cao. Công ty cũng thường xuyên có các buổi livestream, hội thảo chia sẻ về kiến thức, kinh nghiệm và góc nhìn cho cộng đồng nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân. Cổ phiếu FTS cũng sẽ được mua vào danh mục của quỹ ngoại MarketVector Vietnam Local Index, trước đó, cổ phiếu FTS cũng được thêm vào danh mục chỉ số FTSE Vietnam All-Share Index trong kỳ cơ cấu quý 4 năm 2023.



### XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN VÀ HỖ TRỢ CHO SỰ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban lãnh đạo FPTS hiểu rõ tầm quan trọng của nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Môi trường làm việc ở cả 3 miền đều đạt tiêu chuẩn, được trang bị đầy đủ, hỗ trợ tối đa cho công việc. Ngoài ra, trụ sở chính còn tổ chức bữa ăn trưa cho cán bộ nhân viên, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và dinh dưỡng. Công ty cũng bố trí khu vực giải trí riêng với không gian café, thư viện, phòng tập cũng nhiều tiện ích khác dành cho người lao động.

Hàng tháng, Công ty bình bầu ra các broker xuất sắc trên các địa bàn của Công ty và trao giải thưởng nhằm động viên, khuyến khích và lan rộng phong trào thi đua, sáng tạo trong toàn thể Công ty. Cuối mỗi năm, Công ty cũng trao giải cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhất. Đối với công tác bồi dưỡng, Công ty thường xuyên có những buổi đào tạo, trao đổi nội bộ nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của từng phòng ban cũng như là cơ hội chia sẻ góc nhìn, kinh nghiệm đối với tình hình kinh doanh, ngành hiện tại.

Bên cạnh đó, FPTS cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động gắn kết tập thể ban lãnh đạo và người lao động trong Công ty. Đối với một doanh nghiệp có số lượng nhân viên tương đối lớn, các buổi tiệc và giao lưu mỗi dịp lễ là cơ hội để các phòng ban trong Công ty gặp gỡ và nâng cao tinh thần đoàn kết. Trong năm 2023, Công ty đã tổ chức sinh nhật 16 tuổi của FPTS tại Ninh Bình với chủ đề "Làng đi chơi hội" nhằm tái hiện lại những trò chơi dân gian trong văn hóa truyền thống xưa, đây cũng là dịp để các cá nhân, tập thể trong Công ty có cơ hội thể hiện bản thân qua các tiết mục văn nghệ "cây nhà lá vườn".



## HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp)

### BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng FPTS luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ.

FPTS áp dụng thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa
- Vòi nước được lắp đặt với cơ chế nhấn hơi tiết kiệm nước

Từ năm 2019, FPTS đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, nước, để duy trì và phát huy hiệu quả lâu dài của hoạt động này, trong các năm sau đó, FPTS đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên trong Công ty. Năm 2022, công ty đã thực hiện dán film chống nhiệt mặt kính tòa nhà để tiết kiệm năng lượng tối đa.

Trong các năm qua, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
1	Số điện đã sử dụng	Kwh	879.658	1.042.139	1.095.679
2	Số nước đã sử dụng	m <sup>3</sup>	3.717	5.168	4.746
4	Giấy in	ram	1.849	1.705	1.373
5	Xăng xe và chi phí di chuyển (taxi)	đồng	228.386.791	415.157.173	560.002.558
6	Rác thải	đồng	20.583.000	22.054.202	22.226.474

Đối với các chỉ tiêu sử dụng điện nước văn phòng phẩm, có thể thấy đáng kể nhất là việc sử dụng giảm lượng giấy in do thực hành tiết kiệm giấy cũng như thay mới, bổ sung các máy in nhằm hạn chế in sai, in lỗi.





# 7 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 65 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 67 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 69 Báo cáo tình hình tài chính
- 73 Báo cáo kết quả hoạt động
- 76 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 81 Bản thuyết minh

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 90/UBCK-GPĐCCTCK ngày 04 tháng 12 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 127/UBCK-GP ngày 09 tháng 5 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 6 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 6 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 1 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2018; Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 6 năm 2019; Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2020; Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 6 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 9 năm 2022; Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 6 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:** Chứng Khoán.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông.

**Trụ sở chính tại Hà Nội:** Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

**Công ty có 02 chi nhánh:**

- **Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh:** Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Chi nhánh Đà Nẵng:** Số 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, TP. Đà Nẵng.

**Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban Kiểm toán**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Taro Ueno	Thành viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên



**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:**

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

**Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:**

Ông Trần Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình thu nhập toàn diện riêng, tình hình tài chính riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

EM. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc  
  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT  
QUẬN TÂY HỒ, TP HÀ NỘI  
Nguyễn Điệp Tùng

Số: BCKT/TC/2024/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

**Kính gửi:**

- Các cổ đông
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 kèm theo của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được lập ngày 31 tháng 01 năm 2024 từ trang 07 đến trang 47, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023; Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2023; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2023; Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2023.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT cho năm 2023 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 2 năm 2024

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường

Đàm Minh Thúy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2023-142-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1547-2023-142-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>8.045.915.032.712</b>	<b>5.087.806.007.585</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>8.041.273.538.191</b>	<b>5.081.038.726.058</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.7.1	1.253.357.329.782	262.794.899.508
1.1. Tiền	111.1		415.357.329.782	112.794.899.508
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		838.000.000.000	150.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	A.7.3.1	1.349.313.180.030	1.071.587.660.854
4. Các khoản cho vay	114	A.7.3.2	5.394.079.820.504	3.735.573.953.171
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	A.7.4	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
7. Các khoản phải thu	117		48.274.630.955	18.273.186.513
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	A.7.5.1	48.274.630.955	18.273.186.513
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		228.058.372	118.407.889
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		48.046.572.583	18.154.778.624
8. Trả trước cho người bán	118		2.730.598.820	506.350.125
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A.7.5.2	2.855.246.992	1.450.639.331
12. Các khoản phải thu khác	122	A.7.5.4	1.706.672.284	1.855.792.732
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	A.7.6	(158.325.000)	(118.140.000)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>4.641.494.521</b>	<b>6.767.281.527</b>
1. Tạm ứng	131			
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	A.7.7	1.375.215.648	2.835.244.389
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	A.7.8a	2.171.336.167	2.836.736.906
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		49.800.000	8.800.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		715.665	
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		1.044.427.041	1.086.500.232
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>188.768.086.129</b>	<b>200.190.401.522</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>155.492.017.006</b>	<b>166.698.985.546</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	A.7.10	<b>137.156.301.693</b>	<b>148.135.646.230</b>
- Nguyên giá	222		258.195.310.629	257.955.537.534
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(121.039.008.936)	(109.819.891.304)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	A.7.11	<b>18.335.715.313</b>	<b>18.563.339.316</b>
- Nguyên giá	228		42.878.650.238	43.393.626.588
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(24.542.934.925)	(24.830.287.272)
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>33.276.069.123</b>	<b>33.491.415.976</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.181.270.570	1.176.270.570
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.7.8b	2.059.648.764	2.301.699.789
4. Tiền nộp quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	A.7.9	30.035.149.789	30.013.445.617
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>8.234.683.118.841</b>	<b>5.287.996.409.107</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>4.590.747.359.986</b>	<b>1.939.966.665.884</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.590.747.359.986</b>	<b>1.939.966.665.884</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	A.7.27	3.148.101.835.693	1.308.000.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		3.148.101.835.693	1.308.000.000.000
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.7.25	442.083.967	1.138.988.262
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		4.107.218.000	5.312.275.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.7.23	32.533.739.831	43.042.624.127
11. Phải trả người lao động	323		20.687.018.572	18.321.887.389
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1.747.928.245	1.571.578.657
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.7.24	11.635.008.140	11.149.425.550
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.7.26	1.306.139.631.095	507.861.828.273
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330			
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		65.352.896.443	43.568.058.626
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>3.643.935.758.855</b>	<b>3.348.029.743.223</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3.643.935.758.855</b>	<b>3.348.029.743.223</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.145.732.618.150	1.950.682.258.350
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2.145.649.870.000	1.950.599.510.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		2.145.649.870.000	1.950.599.510.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b			
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		82.748.150	82.748.150
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu-Cấu phần vốn	411.3			
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4			
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5			
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412			
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413			
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414			
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415			
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	A.7.31	1.498.203.140.705	1.397.347.485.073
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1.163.209.696.838	1.094.260.034.139
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		334.993.443.867	303.087.450.934
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>8.234.683.118.841</b>	<b>5.287.996.409.107</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận thế chấp	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	A.7.12	172.000.000	172.000.000
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		214.564.987	195.059.951
7. Cổ phiếu quỹ (số lượng)	007			
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	A.7.13	462.842.000.000	11.940.770.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010			
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	A.7.14	206.674.730.000	156.674.730.000
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013	A.7.15	10.000	
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	A.7.16	29.037.374.040.459	24.932.441.328.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		27.268.783.294.159	23.783.944.642.400
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		110.099.600.000	171.566.280.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.034.294.920.000	625.707.450.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		26.129.190.000	18.686.370.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		598.067.036.300	332.536.585.600
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6			
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	A.7.17	270.330.740.000	256.744.630.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		4.293.430.000	8.504.620.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		266.037.310.000	248.240.010.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3			
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4			
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	A.7.18	544.582.770.000	324.126.158.300
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a			
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b			
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	A.7.19	140.201.130.000	58.479.700.000



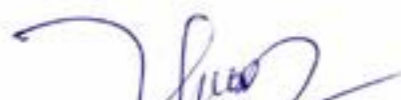
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chi tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
7. Tiền gửi của khách hàng	026		3.448.263.948.398	2.528.800.517.659
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	A.7.20	3.447.888.429.448	2.528.623.967.684
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028			
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029			
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1			
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2			
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	A.7.21	375.518.950	176.549.975
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	A.7.28	3.447.888.429.448	2.528.623.967.684
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		3.400.773.902.339	2.496.062.032.099
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		47.114.527.109	32.561.935.585
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032			
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033			
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034			
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		375.518.950	176.549.975

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Thu Hương



Nguyễn Diệp Tùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		155.200.027.146	(123.923.077.509)
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	B7.32.1	2.195.179.792	12.174.421.154
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ *	01.2	B7.32.2	31.907.355.060	(196.620.133.215)
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	B7.32.3.1	121.097.492.294	60.522.634.552
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4			
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02			
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	B7.32.3.3	443.223.851.448	519.899.022.663
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04			
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05			
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		297.411.518.437	408.379.254.337
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07			
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		4.072.394.303	3.849.642.346
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		11.101.682.372	9.803.147.128
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		32.769.403.782	31.887.009.246
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	B7.32.4	387.833.150	346.319.854
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 1-&gt;11)</b>	<b>20</b>		<b>944.166.710.638</b>	<b>850.241.318.065</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		2.884.211.665	746.524.948
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	B7.32.1	2.882.849.538	776.060.731
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL*	21.2	B7.32.2	1.362.127	(29.535.783)
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	B7.34	116.135.328.039	86.525.412.508
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		107.540.724	19.139.524
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	B7.34	174.877.326.740	216.783.893.989
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	B7.34	3.774.996.554	3.269.518.833
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	B7.34	16.617.027.466	15.008.255.699
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	B7.34	14.567.429.345	12.950.654.332
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32			
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-&gt;32)</b>	<b>40</b>		<b>328.963.860.533</b>	<b>335.303.399.833</b>



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41			
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	B7.33	9.107.268.126	1.366.639.634
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41+&gt;44)</b>	<b>50</b>		<b>9.107.268.126</b>	<b>1.366.639.634</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51			
4.2. Chi phí lãi vay	52			
4.4. Chi phí tài chính khác	55			
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51-&gt;55)</b>	<b>60</b>			
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>			
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	B7.35	<b>83.577.142.127</b>	<b>76.663.865.677</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>540.732.976.104</b>	<b>439.640.692.189</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	B7.36	48.676.023.620	57.577.473.003
8.2. Chi phí khác	72	B7.37	47.464.358.971	55.687.796.460
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>1.211.664.649</b>	<b>1.889.676.543</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>541.944.640.753</b>	<b>441.530.368.732</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		510.038.647.820	638.120.966.164
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		31.905.992.933	(196.590.597.432)
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>97.027.049.804</b>	<b>123.304.967.991</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B7.38	97.027.049.804	123.304.967.991
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2			
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>444.917.590.949</b>	<b>318.225.400.741</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>			
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301			
12.2. Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302			
12.3. Lãi (lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý công ty	303			
12.4. Lãi/(Lỗ) toàn diện khác	304			
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>			

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	B7.39	2.074	1.456
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		2.074	1.456

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

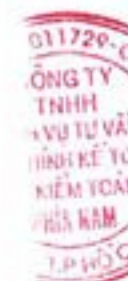
Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Thu Hương





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>01</b>		<b>541.944.640.753</b>	<b>441.530.368.732</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>		<b>(9.964.711.684)</b>	<b>22.853.434.112</b>
- Khấu hao TSCĐ	03		19.920.006.367	17.066.767.824
- Các khoản dự phòng	04		40.185.000	(6.936.128)
- Chi phí lãi vay	06			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(33.109.092)	
- Dự thu tiền lãi	08		(29.891.793.959)	5.793.602.416
- Các khoản điều chỉnh khác	09			
<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>		<b>1.362.127</b>	<b>(29.535.783)</b>
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		1.362.127	(29.535.783)
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>		<b>(31.907.355.060)</b>	<b>196.620.133.215</b>
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(31.907.355.060)	196.620.133.215
<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>		<b>(1.243.551.140.320)</b>	<b>(2.688.254.513.182)</b>
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		(245.819.526.243)	(163.778.234.092)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(1.658.505.867.333)	2.518.865.235.437
- Tăng giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(109.650.483)	591.230.856
- Tăng giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(1.404.607.661)	2.857.824.093
- Tăng giảm các khoản phải thu khác	39		(2.033.770.721)	1.011.113.321
- Tăng giảm các tài sản khác	40		1.460.028.741	(332.309.593)
- Tăng giảm chi phí phải trả (không bao gồm lãi)	41		485.582.590	(4.022.521.924)
- Tăng giảm chi phí trả trước	42		907.451.764	(1.879.544.630)
- Thuế TNDN đã nộp	43		(97.625.047.281)	(147.943.287.532)
- Lãi vay đã trả	44			
- Tăng giảm các khoản phải trả cho người bán	45		(696.904.295)	(2.878.686.179)
- Tăng giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		176.349.588	86.576.637
- Tăng giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Không bao gồm Thuế TNDN đã nộp)	47		(9.910.886.819)	(7.623.019.702)
- Tăng giảm phải trả người lao động	48		2.365.131.183	(8.980.014.780)
- Tăng giảm phải trả phải nộp khác	50		796.925.042.822	(4.845.210.591.771)
- Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh	51		15.000.000	65.504.783
- Tiền chi từ các hoạt động kinh doanh	52		(29.779.466.172)	(29.083.788.106)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>(743.477.204.184)</b>	<b>(2.027.280.112.906)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(8.713.037.827)	(14.582.047.482)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		33.109.092	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>(8.679.928.735)</b>	<b>(14.582.047.482)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71			180.103.161.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72			(129.249.150)
3. Tiền vay gốc	73		8.347.279.862.084	6.916.000.000.000
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1			
3.2. Tiền vay khác	73.2		8.347.279.862.084	6.916.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(6.507.178.026.391)	(6.586.000.000.000)
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1			
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2			
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(6.507.178.026.391)	(6.586.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(97.382.272.500)	(74.153.540.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>1.742.719.563.193</b>	<b>435.820.371.850</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>90</b>		<b>990.562.430.274</b>	<b>(1.606.041.788.538)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>		<b>262.794.899.508</b>	<b>1.868.836.688.046</b>
- Tiền	101.1		112.794.899.508	1.798.836.688.046
- Các khoản tương đương tiền	101.2		150.000.000.000	70.000.000.000
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>		<b>1.253.357.329.782</b>	<b>262.794.899.508</b>
- Tiền	103.1		415.357.329.782	112.794.899.508
- Các khoản tương đương tiền	103.2		838.000.000.000	150.000.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104			



**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	1		123.060.030.047.960	160.219.861.438.250
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	2		(117.099.281.049.740)	(159.136.319.874.260)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	7		(5.027.995.630.398)	(3.112.117.076.323)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(13.488.906.058)	(11.963.533.894)
12. Thu lãi giao dịch chứng khoán	12			
13. Chi lãi giao dịch chứng khoán	13			
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		1.735.081.188.003	1.126.278.919.360
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(1.734.882.219.028)	(1.128.647.011.535)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>919.463.430.739</b>	<b>(2.042.907.138.402)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		2.528.623.967.684	4.569.163.013.911
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		176.549.975	2.544.642.150
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	36			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37			
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>3.448.263.948.398</b>	<b>2.528.800.517.659</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	C7.41	3.447.888.429.448	2.528.623.967.684
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	C7.41	375.518.950	176.549.975
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	46			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Diệp Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm trong năm		Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
A	B						
I. Biến động vốn chủ sở hữu							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu							
1.1. Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (*)		1.475.580.856.300	1.950.682.258.150			1.950.682.258.150	2.145.732.618.150
1.2. Có phiếu ưu đãi		1.475.672.970.000	1.950.599.510.000			1.950.599.510.000	2.145.649.870.000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		162.820.000	82.748.150	7.003.900		82.748.150	82.748.150
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cầu phần vốn							
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu							
1.6. Có phiếu quỹ		(254.933.700)					
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		89.368.486.792					
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		89.366.336.792					
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý							
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái							
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							
7. Lợi nhuận chưa phân phối		1.328.328.207.377	1.397.347.485.073	497.242.851.948	513.185.990.079	1.397.347.485.073	1.498.203.140.705
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (*)		828.650.159.011	1.094.260.034.139	249.206.123.045	413.011.598.016	1.094.260.034.139	1.163.209.696.838
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		499.678.048.366	303.087.450.934	248.036.728.903	100.174.392.063	303.087.450.934	334.993.443.867
<b>Cộng</b>		<b>2.982.643.887.261</b>	<b>3.348.029.743.223</b>	<b>675.680.568.432</b>	<b>708.236.350.079</b>	<b>3.348.029.743.223</b>	<b>3.643.935.758.855</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện</b>							
<b>Cộng</b>							



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2023

### 1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

#### 1.1. Giấy phép thành lập và hoạt động của CTCK:

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 90/UBCK-GPDCCTCK ngày 04 tháng 12 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 127/UBCK-GP ngày 09 tháng 5 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 6 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 6 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 1 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2018; Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 6 năm 2019; Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2020; Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 6 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 9 năm 2022; Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 6 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

#### 1.2. Địa chỉ liên hệ của CTCK:

Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

1.3. Điều lệ hoạt động CTCK: ban hành tháng 7/2007 và sửa đổi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29/03/2022 và Quyết định số 10-2023/QĐ/HĐQT/FPTS ngày 21/06/2023.

#### 1.4. Những đặc điểm chính về hoạt động CTCK:

- Quy mô vốn CTCK:

Vốn góp của Công ty tại ngày lập báo cáo là 2.145.649.870.000 đồng (Hai nghìn một trăm bốn mươi lăm tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

- Hạn chế đầu tư: Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 30/12/2020 về hoạt động của công ty chứng khoán.

- Cấu trúc Công ty chứng khoán:

. Danh sách các công ty con: Không có

. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có

. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có

- Danh sách chi nhánh:

Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh Đà Nẵng: Số 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, TP. Đà Nẵng.

1.5. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 505 người.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

#### 2.1. Kỳ kế toán:

Năm tài chính hàng năm của CTCK bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

Chỉ chú:

(\*) Khoản tăng của cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết là khoản phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ/ĐHĐCĐ/FPTS ngày 28/03/2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

(\*) Khoản giảm của lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối trong kỳ bao gồm:

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

- Có tức 2022 chia cho cổ đông bằng tiền mặt

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

(Số lượng CP: 19.505.036)

195.050.360.000 đồng

51.481.599.817 đồng

97.529.975.500 đồng

195.050.360.000 đồng

344.061.935.317 đồng

Người lập biên

Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương



Ngày 31 tháng 01 năm 2024





**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.**

**3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**3.1. Chế độ kế toán áp dụng:** Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:** Thực hiện kế toán CTCK trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**3.3. Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.

**4. Các chính sách kế toán áp dụng**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

**4.1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền hiện có của công ty (tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng), các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

**4.1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:**

Thực hiện theo quy định hiện hành về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá trong việc quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

**4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính:**

**4.2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc Danh mục đầu tư của CTCK (tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán):**

**4.2.1.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính: (FVTPL, HTM, Các khoản cho vay, AFS)**

Việc phân loại Tài sản tài chính thực hiện theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

**4.2.1.2 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính: (Nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuế tài sản tài chính, phải trả người bán, các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán)**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

**4.2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) (tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật chứng khoán) hoặc giá gốc:**

Luật kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, theo đó đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

**4.2.2.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua không bao gồm các chi phí phát sinh trực tiếp từ việc mua tài sản tài chính này). Các chi phí mua**

(phí môi giới, phí giao dịch...) được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

Cuối kỳ kế toán, các tài sản tài chính FVTPL được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Số chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng ở khoản mục "Chênh lệch tăng do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ" và khoản mục "Chênh lệch giảm do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ".

**4.2.2.2 Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM:** được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát sinh các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

**4.2.2.3 Các khoản cho vay:** được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng suy giảm các khoản cho vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

**4.2.2.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS:** được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua tài sản tài chính này. Cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính AFS được xác định lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS theo giá thị trường hoặc giá hợp lý được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu (Kết quả hoạt động riêng khác) tại chỉ tiêu "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán".

**4.2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính.**

**4.2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính**

TSTC được dừng ghi nhận khi quyền nhận được luồng tiền từ TSTC hết hạn hoặc khi chuyển giao TSTC cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho đơn vị khác. Nợ tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi nghĩa vụ của đơn vị đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

**4.2.5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính,**

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, đơn vị thực hiện đánh giá các dấu hiệu liên quan đến suy giảm giá trị một tài sản hoặc một nhóm các khoản đầu tư để thực hiện lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

Đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho những khoản vay giao dịch ký quỹ có giá trị tài sản đảm bảo nhỏ hơn nợ gốc.

Dự phòng cụ thể được xác định = (Số dư các khoản cho vay – Giá trị tài sản đảm bảo) x 100%.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định = Số lượng chứng khoán đảm bảo khoản vay x giá thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trong đó giá thị trường của chứng khoán được trình bày tại điểm 4.2.6.

**4.2.6. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính**

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.



- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoản thời gian trên, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

- Giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng (nếu có) được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT/BTC.

**4.2.7. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp: Không phát sinh**

**4.2.8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về tình hình Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản đầu tư của CTCK có phát sinh cổ tức, tiền lãi**

Đơn vị thực hiện đánh giá khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro để lập dự phòng theo quy định. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ thực hiện theo hướng dẫn của nhóm phải thu trình bày tại điểm 4.10.3.

**4.2.9. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính): Không phát sinh.**

**4.3. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Không phát sinh.**

**4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình:**

Tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

**4.5. Khấu hao và hao mòn:**

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 6-25 năm

- Máy móc thiết bị: 3 năm

- Phương tiện vận chuyển: 6 năm

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3-7 năm

- Phần mềm: 3-5 năm

- Quyền sử dụng đất:

+ Quyền sử dụng đất lâu dài: không có khấu hao

+ Quyền sử dụng đất thuê có thời hạn: khấu hao theo thời gian được phép sử dụng đất.

- Tài sản cố định vô hình: 2-3 năm

**4.6. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về sự suy giảm giá trị của tài sản phi tiền tệ: Không phát sinh.**

**4.7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Không phát sinh.**

**4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Công ty con, công ty liên doanh, liên kết): Không phát sinh.**

**4.9. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**



Theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.

**4.10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn:**

**4.10.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính:**

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, ghi chép theo từng giao dịch và từng lần thanh toán.

**4.10.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác:**

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán.

**4.10.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

-Xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi:

Tổn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đối tượng nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác).

Giá trị tổn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có) để bù đắp, phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

**4.11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn:**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**4.12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK:**

**4.12.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn góp theo Điều lệ công ty mà các thành viên góp vốn, cổ đông của công ty đã thực góp theo tiến độ, kế hoạch góp vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và số vốn huy động của các lần tiếp theo phù hợp với Điều lệ của Công ty.

**4.12.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK:**





a. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện:

Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng của công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện:

Là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các TSTC FVTPL hoặc TSTC khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục TSTC lũy kế phát sinh trong kỳ.

4.12.3. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái: Tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Tài chính về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái.

a. Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện trong kỳ:

Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

b. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ:

Là chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

4.12.4. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK: (cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn, các quỹ của CTCK).

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

4.13. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập CTCK:

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền

Thực hiện ghi nhận doanh thu, thu nhập từ hoạt động tự doanh các TSTC, doanh thu cung cấp dịch vụ theo quy định của các Chuẩn mực doanh thu và Chuẩn mực các công cụ tài chính có liên quan và các hướng dẫn tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC.

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL: được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính:

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Đối với cổ phiếu thương, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

- Lãi từ các khoản cho vay: Là khoản lãi phải thu từ khách hàng sử dụng dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ, cho vay giao dịch ứng trước của công ty cung cấp trong kỳ.

- Doanh thu môi giới chứng khoán: Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Doanh thu hoạt động tư vấn: Bao gồm tư vấn đầu tư chứng khoán và doanh thu tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn tài chính và hoàn thiện doanh nghiệp (tư vấn niêm yết, phát hành, hoàn thiện doanh nghiệp ...) Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

- Doanh thu lưu ký: Là khoản phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán thu được của khách hàng khi công ty cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán như đăng ký, lưu ký, chuyển khoản, chuyển quyền sở hữu chứng khoán ... đã hoàn thành.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán theo Thông Tư 210/2014TT-BTC, Thông tư 334/2016/TT-BTC và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý CTCK:

Chi phí thực tế đã phát sinh và các khoản dự chi (nếu có) có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý trong kỳ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

4.16. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác:

a. Ghi nhận thu nhập khác:

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh, đầu tư của CTCK phát sinh trong kỳ.

b. Ghi nhận chi phí khác:

Các khoản chi phí khác ngoài các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đầu tư các TSTC.

4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.18. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.19. Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tài chính về tài sản và nợ phải trả khách hàng

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.20. Báo cáo bộ phận:

Công ty theo dõi doanh thu hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động kinh doanh chứng khoán (Hoạt động môi giới chứng khoán; Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Hoạt động lưu ký chứng khoán; Hoạt động tư vấn; ...), hoạt động tài chính.

Công ty quản lý chi phí theo từng hoạt động kinh doanh và khoản mục chi phí.

Đối với tài sản, Công ty không phân bổ theo từng lĩnh vực kinh doanh mà quản lý tập trung ở Trụ sở chính - Hà Nội. Đối với nợ phải trả, Công ty chịu trách nhiệm thanh toán và quản lý rủi ro chung.

5. Quản trị về rủi ro tài chính đối với CTCK

5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

5.2. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Việc cấp tín dụng, hỗ trợ vốn lớn cho một khách hàng có liên quan có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay hoặc khả năng thanh toán của FPTS khi khách hàng đó gặp vấn đề về khả năng thanh toán. Vì vậy FPTS đã ban hành quy định Hạn mức cung ứng, hỗ





trợ vốn tối đa cho một khách hàng đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

Rủi ro Mã chứng khoán: Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay giảm giá quá nhanh, thậm chí mất hết giá trị hoặc không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy các mã chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định về giao dịch ký quỹ của các sở giao dịch chứng khoán.

**5.3. Rủi ro thanh khoản:**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**5.4. Rủi ro thị trường:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi lãi suất của thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong kỳ để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý và có thể cạnh tranh trên thị trường.

Quản lý rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường

Các chứng khoán Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, phân cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư,... Do giá trị chứng khoán Công ty nắm giữ không nhiều chủ yếu từ việc mua chứng khoán lẻ lẻ vì vậy Công ty đánh giá rủi ro về giá cũng như thanh khoản thị trường đối với chứng khoán tự doanh là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường đối với các khoản cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quỹ. Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay liên tục giảm giá có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay của FPTS nếu chậm thu hồi vốn. Nếu thị trường không đủ thanh khoản hoặc mã chứng khoán đó không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy FPTS đã xây dựng quy định quản lý rủi ro riêng cho các giao dịch ký quỹ, xác định tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo một cách hợp lý. Ngoài ra FPTS đã xây dựng phần mềm quản lý, quy định mức cảnh báo, xử lý tự động trong các giao dịch Margin giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.

**6. Các chính sách định giá các tài sản tài chính thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK**

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

**7. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính**

**A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính**

**A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	125.693.709	206.299.629
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	415.231.636.073	112.588.599.879
- Các khoản tương đương tiền	838.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.253.357.329.782</b>	<b>262.794.899.508</b>

**A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện năm 2023	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2023
<b>a) Của CTCK</b>		
- Cổ phiếu	3.305.760	271.707.510.800
- Trái phiếu	9.900.000	1.113.350.600.000
- Chứng khoán ngân quỹ	9.700	115.573.000
- Chứng khoán khác		
<b>Cộng</b>	<b>13.215.460</b>	<b>1.385.173.683.800</b>
<b>b) Của Nhà đầu tư</b>		
- Cổ phiếu	14.310.032.666	260.758.656.219.100
- Trái phiếu	1.283.118	137.089.974.800
- Chứng khoán khác	550.380.226	571.397.948.610
<b>Cộng</b>	<b>14.861.696.010</b>	<b>261.467.144.142.510</b>

**A.7.3. Các loại tài sản tài chính**

**7.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):**

Tài sản FVTPL	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	14.376.456.824	349.369.900.691	13.476.134.016	316.563.584.950
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904
Trái phiếu niêm yết	474.157.500.000	474.157.500.000		
Trái phiếu chưa niêm yết	120.000.000.000	120.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn cố định, chứng chỉ tiền gửi	403.761.703.435	403.761.703.435	683.000.000.000	683.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.014.319.736.163</b>	<b>1.349.313.180.030</b>	<b>768.500.209.920</b>	<b>1.071.587.660.854</b>



**7.3.2 Các khoản cho vay và phải thu**

Khoản cho vay và phải thu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	4.480.989.985.789	4.470.104.369.613	3.461.017.594.892	3.450.131.978.716
Cho vay nghiệp vụ ứng trước	912.872.796.723	912.872.796.723	274.507.459.557	274.507.459.557
Cho vay hoạt động giao dịch chứng khoán phải sinh	217.037.992	217.037.992	48.898.722	48.898.722
<b>Cộng các khoản cho vay</b>	<b>5.394.079.820.504</b>	<b>5.383.194.204.328</b>	<b>3.735.573.953.171</b>	<b>3.724.688.336.995</b>

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.3.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ:  
Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị 4 loại tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của CTCK

STT	Các loại tài sản tài chính	Giá mua	Số cuối năm		Giá trị đánh giá lại	Số đầu năm		Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước	Giá mua	Giá trị đánh giá lại	Số đầu năm		Giá trị đánh giá lại
			Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Chênh lệch tăng		Chênh lệch giảm	Chênh lệch tăng				Chênh lệch giảm		
A	B	1	2	3=2-1	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)		
1	FVTPL												
1	Cổ phiếu	16.499.512.728	351.393.976.595	334.999.717.599	6.273.732	351.393.976.595	15.500.209.929	318.587.660.854	303.092.362.539	4.911.605	318.587.660.854	4.911.605	318.587.660.854
1.1	Cổ phiếu niêm yết, Cổ phiếu kỳ GD	14.376.456.824	349.369.900.691	334.999.717.599	6.273.732	349.369.900.691	13.476.134.016	316.563.584.950	303.092.362.539	4.911.605	316.563.584.950	4.911.605	316.563.584.950
	MSSH - Công ty cổ phần Máy Sóng Hồng	13.454.983.050	348.192.141.000	334.737.157.950		348.192.141.000	13.454.983.050	316.538.310.000	303.083.326.950		316.538.310.000		316.538.310.000
	Cổ phiếu niêm yết khác	921.473.774	1.177.759.691	262.559.649	6.273.732	1.177.759.691	21.150.966	25.274.950	9.035.589	4.911.605	25.274.950	4.911.605	25.274.950
1.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.024.075.904	2.024.075.904			2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904			2.024.075.904		2.024.075.904
	CIC8 - CTCP đầu tư xây dựng số 8	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	24.075.904	24.075.904			24.075.904	24.075.904	24.075.904			24.075.904		24.075.904
2	Trái phiếu niêm yết	474.157.500.000	474.157.500.000			474.157.500.000							
	TD2035025- Trái phiếu chính phủ đầu đầu đợt 12/2020	318.015.000.000	318.015.000.000			318.015.000.000							
	TD2035026- Trái phiếu chính phủ đầu đầu đợt 14/3/2020	156.142.500.000	156.142.500.000			156.142.500.000							
3	Trái phiếu	120.000.000.000	120.000.000.000			120.000.000.000							
	CTG2028T202- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam												
	CTG2030T201- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000			20.000.000.000							
	CTG2230T201 - Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	100.000.000.000	100.000.000.000			100.000.000.000							
4	Tiền gửi có kỳ hạn có định, chứng chỉ	403.761.703.435	403.761.703.435			403.761.703.435							
	Tiền gửi	403.761.703.435	403.761.703.435			403.761.703.435	683.000.000.000	643.000.000.000			683.000.000.000		683.000.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A. 7.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp**

Dự phòng giảm giá tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm - Cho vay hoạt động kỳ quỹ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
<b>Cộng</b>	<b>(10.885.616.176)</b>	<b>(10.885.616.176)</b>

**A. 7.5. Các khoản phải thu**

**A. 7.5.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

- Phải thu tiền lãi - giao dịch ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư

- Dự thu phí giao dịch kỳ quỹ và lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	228.058.372	118.407.889
	48.046.572.583	18.154.778.624
<b>Cộng</b>	<b>48.274.630.955</b>	<b>18.273.186.513</b>

**A. 7.5.2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp**

7.5.2.1 Phải thu phí môi giới chứng khoán qua các Sở GD

7.5.2.2 Phải thu phí môi giới chứng khoán không qua các Sở GD

7.5.2.3 Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư CK

7.5.2.4 Phải thu hoạt động tư vấn khác

7.5.2.5 Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán

7.5.2.6 Phải thu dịch vụ khác

	2.855.246.992	1.450.639.331
	1.260.663.500	594.174.180
	40.791.025	
	50.000.000	
	1.501.450.000	851.950.000
	2.342.467	4.515.151

**A. 7.5.3. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán**

**A. 7.5.4. Phải thu khác**

**A. 7.6. Dự phòng phải thu khó đòi**

CTCK phải thuyết minh chi tiết về loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng (chi tiết theo loại, nhóm, đối tượng phải thu khó đòi)

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Số cuối năm				Số đầu năm
			Tham chiếu	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	
1	Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính						
2	Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn						
3	Dự phòng nợ phải thu các khoản đầu tư đáo hạn						
4	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	203.350.000		118.140.000	40.185.000		158.325.000
	Công ty CP Lisemco	71.500.000		71.500.000			71.500.000
	Công ty CP Máy Phú Thành	13.200.000		13.200.000			13.200.000
	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư EDX	16.500.000		16.500.000			16.500.000
	Công ty CP Thông Quảng Ninh	7.700.000		7.700.000			7.700.000
	Công ty CP Thương mại Hà Tây	13.200.000		9.240.000	3.960.000		13.200.000
	Công ty CP Anh ngữ APAX	32.850.000			16.425.000		16.425.000
	Công ty CP Tập đoàn Khách sạn Đông Á	13.200.000			6.600.000		6.600.000
	Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công Nghiệp	13.200.000			6.600.000		6.600.000
	Tổng công ty LICOI-CTCP	22.000.000			6.600.000		6.600.000
	<b>Cộng</b>	<b>203.350.000</b>		<b>118.140.000</b>	<b>40.185.000</b>		<b>158.325.000</b>

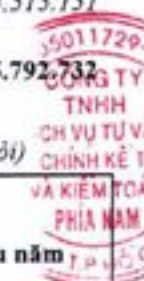
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

A.7.3.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ:  
Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị & loại tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của CTCK

STT	Các loại tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Số cuối năm		Giá trị đánh giá lại	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước	Số đầu năm		Giá trị đánh giá lại
				CL đánh giá kỳ này	CL đánh giá kỳ trước			CL đánh giá kỳ này	CL đánh giá kỳ trước	
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(8-9)
5	Chứng quyền									
II	AFS									
	Cộng	1.014.319.736.163	1.349.313.180.030	334.992.717.509	6.273.732	1.349.313.180.030	768.500.299.920	1.071.587.660.854	303.092.862.539	4.911.605
										1.021.587.660.854

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa của các cổ phiếu trên thị trường ngày 31 tháng 12 năm 2023 trên sàn giao dịch chứng khoán. Các tài sản tài chính chưa niêm yết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 vì không có đủ thông tin tin cậy về giá thị trường của các tài sản tài chính này, nên giá trị trường được xác định là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.7. Hàng tồn kho**

- Vật tư văn phòng

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.375.215.648	2.835.244.389
<b>1.375.215.648</b>	<b>2.835.244.389</b>

**A.7.8. Chi phí trả trước**

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

(bao gồm: CP đường truyền, quản lý thành viên và kết nối hai sở, bảo hành bảo trì phần mềm thiết bị...)

b. Chi phí trả trước dài hạn

(bao gồm: CP đường truyền, phần mềm kế số, sửa chữa nhà cửa...)

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
2.171.336.167	2.836.736.906
2.059.648.764	2.301.699.789
<b>4.230.984.931</b>	<b>5.138.436.695</b>

**A.7.9. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán**

- Tiền nộp ban đầu

- Tiền nộp bổ sung

- Tiền lãi phân bổ trong kỳ

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
10.120.000.000	10.120.000.000
14.482.731.824	14.482.731.824
5.432.417.965	5.410.713.793
<b>30.035.149.789</b>	<b>30.013.445.617</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>168.659.560.363</b>	<b>1.659.266.200</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>85.313.710.971</b>	<b>257.955.537.534</b>
- Mua trong năm				8.713.037.827	8.713.037.827
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán				8.473.264.732	8.473.264.732
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>168.659.560.363</b>	<b>1.659.266.200</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>85.553.484.066</b>	<b>258.195.310.629</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>42.426.826.845</b>	<b>1.347.087.174</b>	<b>1.991.142.859</b>	<b>64.054.834.426</b>	<b>109.819.891.304</b>
- Khấu hao trong năm	6.745.003.218	277.524.982	331.857.141	12.337.997.023	19.692.382.364
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán				8.473.264.732	8.473.264.732
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>49.171.830.063</b>	<b>1.624.612.156</b>	<b>2.323.000.000</b>	<b>67.919.566.717</b>	<b>121.039.008.936</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	126.232.733.518	312.179.026	331.857.141	21.258.876.545	148.135.646.230
- Tại ngày cuối năm	119.487.730.300	34.654.044		17.633.917.349	137.156.301.693
<b>Đánh giá theo giá trị hợp lý</b>					

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Vietcombank Thanh Xuân: 92.327.032.767 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 44.104.498.366 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:



A.7.11. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
Số dư đầu năm	19.257.558.796	7.732.642.363	16.035.848.529	367.576.900	43.393.626.588
- Mua trong năm					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tạo ra từ nội bộ Công ty					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán		514.976.350			514.976.350
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.257.558.796</b>	<b>7.217.666.013</b>	<b>16.035.848.529</b>	<b>367.576.900</b>	<b>42.878.650.238</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	790.212.874	7.681.120.470	15.991.377.028	367.576.900	24.830.287.272
- Khấu hao trong năm	131.630.609	51.521.893	44.471.501		227.624.003
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán		514.976.350			514.976.350
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>921.843.483</b>	<b>7.217.666.013</b>	<b>16.035.848.529</b>	<b>367.576.900</b>	<b>24.542.934.925</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
- Tại ngày đầu năm	18.467.345.922	51.521.893	44.471.501		18.563.339.316
- Tại ngày cuối năm	18.335.715.313				18.335.715.313
<b>Đánh giá theo giá trị hợp lý</b>					

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.497.996.897 đồng.

Ghi chú (\*): Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTS Chi nhánh Đà Nẵng - 100 Quang Trung, Tp. Đà Nẵng (diện tích 144m <sup>2</sup> theo hợp đồng mua bán quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/06/2013. Giá trị quyền sử dụng đất này được ghi nhận căn cứ theo thông báo nộp thuế TNCN số 1745/TB-TNCN của Cục thuế TP.Đà Nẵng đối với bên bán ngày 09/08/2013).	8.800.000.000
- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPTS Chi nhánh Hồ Chí Minh - Tầng 3, tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (bao gồm diện tích đất sử dụng chung là 944 m <sup>2</sup> và diện tích tầng 3 sử dụng riêng là 620,7 m <sup>2</sup> , theo hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất số 66/HĐ-BTL ngày 17/12/2013 giữa Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Bến Thành và Công ty CP Chứng Khoán FPT).	4.691.451.796
- Giá trị quyền sử dụng đất trụ sở FPTS Hà Nội - Số 52, đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội (tổng diện tích 941,73 m <sup>2</sup> , theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/07/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 00587 cấp ngày 06/08/2014.	5.766.107.000

A.7.12. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải thu khó đòi đã xử lý</b>		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Shinneco	172.000.000	172.000.000
<b>Cộng</b>	<b>172.000.000</b>	<b>172.000.000</b>

A.7.13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	462.842.000.000	11.940.770.000
2. Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng		
<b>Cộng</b>	<b>462.842.000.000</b>	<b>11.940.770.000</b>

A.7.14. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng của CTCK - OTC	2.674.730.000	2.674.730.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố của CTCK - OTC	120.000.000.000	70.000.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa lưu ký của CTCK - Tự do chuyển nhượng	84.000.000.000	84.000.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa lưu ký của CTCK - Hạn chế chuyển nhượng		
<b>Cộng</b>	<b>206.674.730.000</b>	<b>156.674.730.000</b>

A.7.15. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	10.000	
<b>Cộng</b>	<b>10.000</b>	

A.7.16. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	27.268.783.294.159	23.783.944.642.400
2. Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	110.099.600.000	171.566.280.000
3. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.034.294.920.000	625.707.450.000
4. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	26.129.190.000	18.686.370.000
5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	598.067.036.300	332.536.585.600
6. Tài sản tài chính chờ cho vay		
<b>Cộng</b>	<b>29.037.374.040.459</b>	<b>24.932.441.328.000</b>



**A.7.17. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư**

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	4.293.430.000	8.504.620.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	266.037.310.000	248.240.010.000
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		
<b>Cộng</b>	<b>270.330.740.000</b>	<b>256.744.630.000</b>

**A.7.18. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư**

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	544.582.770.000	324.126.158.300
<b>Cộng</b>	<b>544.582.770.000</b>	<b>324.126.158.300</b>

**A.7.19. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư**

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	140.201.130.000	58.479.700.000
<b>Cộng</b>	<b>140.201.130.000</b>	<b>58.479.700.000</b>

**A.7.20. Tiền gửi của Nhà đầu tư**

Tiền gửi của Nhà đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.447.888.429.448	2.528.623.967.684
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.400.773.902.339	2.496.062.032.099
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	47.114.527.109	32.561.935.585
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		
3.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
<b>Cộng</b>	<b>3.447.888.429.448</b>	<b>2.528.623.967.684</b>

**A.7.21. Tiền gửi của Tổ chức phát hành**

Tiền gửi của Tổ chức phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành		
2. Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	375.518.950	176.549.975
<b>Cộng</b>	<b>375.518.950</b>	<b>176.549.975</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.22. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	4.019.015.500	3.871.312.500
<b>Cộng</b>	<b>4.019.015.500</b>	<b>3.871.312.500</b>

**A.7.23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Thuế Thu nhập cá nhân

- Các loại thuế khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	19.078.882.703	19.676.880.180
	12.383.724.473	20.947.035.166
	1.071.132.655	2.418.708.781
<b>Cộng</b>	<b>32.533.739.831</b>	<b>43.042.624.127</b>

**A.7.24. Chi phí phải trả**

Phí GDCK, phí lưu ký và chuyển khoản, phí đại lý mở tài khoản, lãi vay cho giao dịch ký quỹ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	11.635.008.140	11.149.425.550
<b>Cộng</b>	<b>11.635.008.140</b>	<b>11.149.425.550</b>

**A.7.25. Phải trả người bán**

Công ty Cổ phần Xây dựng P.E.N.T.H.O.U.S.E

Công ty TNHH phần mềm FPT

Công ty Cổ Phần DV Công Nghệ TSC VN

Công ty TNHH Phần mềm Kỹ Nguyên Số

Công ty TNHH TM&DV Green Star Hà Nội

CN Công ty TNHH Lavie - Tại Hà Nội

Công ty TNHH Dịch Vụ Kho Vận Als

Chi nhánh Công ty cổ phần Hai bốn bảy tại Hà Nội

Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT

Công ty TNHH Mai Linh Đà Nẵng

Tổng Công ty Đầu tư tài chính Hà Thành

Công ty TNHH Vận Tải Công Nghệ Mai Linh Hà Nội

Công ty TNHH Truyền Thông Sài Gòn HD

Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT

Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT

Công ty CP Truyền Thông Tổng Hợp 24

	Số cuối năm	Số đầu năm
	135.000.000	135.000.000
	94.400.000	
	85.322.500	4.320.000
	75.950.000	
	25.500.000	
	10.540.800	
	9.771.858	
	4.141.309	
	896.500	
	561.000	
		59.966.040
		5.208.000
		12.960.000
		332.688.092
		575.886.130
		12.960.000
<b>Cộng</b>	<b>442.083.967</b>	<b>1.138.988.262</b>

**A.7.26. Phải trả, phải nộp khác**

- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn

- Phải trả các Ngân hàng (đặt cọc thực hiện hợp đồng môi giới trái phiếu

Chính phủ và các chứng chỉ tiền gửi)

- Phải trả phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	4.019.015.500	3.871.312.500
	1.300.000.000.000	500.000.000.000
	2.120.615.595	3.990.515.773
<b>Cộng</b>	<b>1.306.139.631.095</b>	<b>507.861.828.273</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.27. Vay ngắn hạn (chi tiết theo các loại vay phát sinh trong năm hoạt động của CTCK)**

Loại vay ngắn hạn	Lãi suất vay	Số dư vay đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngân hàng trong nước					
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN- VIB	5,95%-7,85%	1.308.000.000.000	7.898.000.000.000	6.114.000.000.000	3.092.000.000.000
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	3,8%-7%	300.000.000.000	950.000.000.000	850.000.000.000	400.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam	5,2%-7,5%	170.000.000.000	1.700.000.000.000	1.070.000.000.000	800.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-VPBANK	5,5%	300.000.000.000	2.600.000.000.000	2.400.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam-CN Hoàn Kiếm	4,5%-8,97%	178.000.000.000	300.000.000.000	534.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Thanh Xuân	4,5%-8%	360.000.000.000	534.000.000.000	1.260.000.000.000	178.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	5%		464.000.000.000		450.000.000.000
Vay các tổ chức, cá nhân khác trong nước	2,3%-5,8%		449.279.862.084	393.178.026.391	56.101.835.693
<b>Cộng</b>		<b>1.308.000.000.000</b>	<b>8.347.279.862.084</b>	<b>6.507.178.026.391</b>	<b>3.148.101.835.693</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.28. Phải trả Nhà đầu tư**

Loại phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.447.888.429.448	2.528.623.967.684
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	3.400.773.902.339	2.496.062.032.099
1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài	47.114.527.109	32.561.935.585
<b>Cộng</b>	<b>3.447.888.429.448</b>	<b>2.528.623.967.684</b>

**A.7.29. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK**

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả phí môi giới chứng khoán	1.260.663.500	594.174.180
2. Phải trả phí lưu ký chứng khoán		
3. Phải trả phí tư vấn đầu tư	50.000.000	11720.000
<b>Cộng</b>	<b>1.310.663.500</b>	<b>594.174.180</b>

**A.7.30. Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư**

Các khoản phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. Phải trả nghiệp vụ margin</b>		
<b>2. Phải trả gốc margin</b>	<b>4.480.989.985.789</b>	<b>3.461.017.594.892</b>
2.1. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	4.480.989.985.789	3.461.017.594.892
2.2. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài		
<b>3. Phải trả lãi margin</b>	<b>9.170.457.945</b>	<b>6.863.534.332</b>
3.1. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	9.170.457.945	6.863.534.332
3.2. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài		
<b>4. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán</b>	<b>913.100.855.095</b>	<b>274.625.867.446</b>
4.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	912.872.796.723	274.507.459.557
a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	912.872.796.723	274.507.459.557
b. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
4.2. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	228.058.372	118.407.889
a. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	228.058.372	118.407.889
b. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
<b>5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh</b>	<b>217.037.992</b>	<b>48.898.722</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.403.478.336.821</b>	<b>3.742.555.895.392</b>

**A.7.31. Lợi nhuận chưa phân phối**

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	1.163.209.696.838	1.094.260.034.139
2. Lợi nhuận chưa thực hiện	334.993.443.867	303.087.450.934
<b>Cộng</b>	<b>1.498.203.140.705</b>	<b>1.397.347.485.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**A.7.32. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2023	Năm 2022
1. Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	1.094.260.034.139	828.650.159.011
2. Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm		
3. Lãi đã thực hiện năm nay	413.011.598.016	514.815.998.173
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn (4)=(1+2+3)	1.507.271.632.155	1.343.466.157.184
5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận	51.481.599.817	59.029.881.129
5.1 Quỹ dự trữ điều lệ		
5.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		
5.3 Quỹ khen thưởng phúc lợi	51.481.599.817	59.029.881.129
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	292.580.335.500	190.176.241.916

11720  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
FPT  
HÀ NỘI

11720  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
FPT  
HÀ NỘI

11720  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
FPT  
HÀ NỘI

11720  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
FPT  
HÀ NỘI



**Tổng cộng** 580.421.657.215

**Từ các khoản cho vay** 515.899.022.6615

**Từ tài sản tài chính HTM** 448.155.151.448

**Từ tài sản tài chính FVTPL** 60.522.634.552

**Từ tài sản tài chính FVTPL** 28.546.664.687

**Từ tài sản tài chính HTM** 915.915.13

**Từ tài sản tài chính HTM** 88.969.008.519

**Từ tài sản tài chính HTM** 32.127.783.778

**Từ tài sản tài chính HTM** 121.097.992.294

**Từ tài sản tài chính HTM** 60.522.634.552

**Từ tài sản tài chính HTM** 28.546.664.687

**Từ tài sản tài chính HTM** 915.915.13

**Từ tài sản tài chính HTM** 88.969.008.519

**Từ tài sản tài chính HTM** 32.127.783.778

**Từ tài sản tài chính HTM** 121.097.992.294

**Từ tài sản tài chính HTM** 60.522.634.552

**Từ tài sản tài chính HTM** 28.546.664.687

**Từ tài sản tài chính HTM** 915.915.13

**Từ tài sản tài chính HTM** 88.969.008.519

**Từ tài sản tài chính HTM** 32.127.783.778

**Từ tài sản tài chính HTM** 121.097.992.294

**Từ tài sản tài chính HTM** 60.522.634.552

**Từ tài sản tài chính HTM** 28.546.664.687

**Từ tài sản tài chính HTM** 915.915.13

**Từ tài sản tài chính HTM** 88.969.008.519

**Từ tài sản tài chính HTM** 32.127.783.778

**Từ tài sản tài chính HTM** 121.097.992.294

**Từ tài sản tài chính HTM** 60.522.634.552

**Từ tài sản tài chính HTM** 28.546.664.687

**Từ tài sản tài chính HTM** 915.915.13

**Từ tài sản tài chính HTM** 88.969.008.519

**Từ tài sản tài chính HTM** 32.127.783.778

**Từ tài sản tài chính HTM** 121.097.992.294

**Từ tài sản tài chính HTM** 60.522.634.552

(\*) Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được trình trên cơ sở theo thời điểm cuối của các cơ sở dữ liệu ngày 31/12/2023 trên sàn giao dịch chứng khoán. Các tài sản tài chính được trình theo nguyên giá trừ đi các khoản giảm giá dự phòng. Các tài sản tài chính được trình theo nguyên giá trừ đi các khoản giảm giá dự phòng. Các tài sản tài chính được trình theo nguyên giá trừ đi các khoản giảm giá dự phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
 Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
 Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội

**B. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động**

**B.7.32.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày báo dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Trái phiếu chính phủ	2.700.000		319.488.300.000	319.704.800.000	(216.500.000)	(216.500.000)	
2	CTG2028T2/02-Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	500.000		50.000.000.000	50.000.000.000	(232.130.554)	(232.130.554)	
3	Giấy tờ có giá	430		466.520.396.157	466.752.526.711	(291.380.000)	(291.380.000)	
4	FPT-Công ty CP FPT	1.610.000		134.948.620.000	135.240.000.000	52.340.808	52.340.808	192.888.821
5	Cổ phiếu lẻ	93.930		1.609.123.900	1.595.165.092	(687.669.746)	(687.669.746)	11.205.471.602
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.904.380</b>		<b>972.566.440.057</b>	<b>973.292.491.803</b>			<b>11.398.360.423</b>

**B.7.32.2. Thành lịch đánh giá lại các tài sản tài chính**

STT	Danh mục loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị tương đương(*)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
1	Loại FVTPL	1.014.319.736.163	1.349.313.180.030	334.993.443.867	303.087.450.934	31.905.992.933
1	Cổ phiếu niêm yết, danh kỳ GD	14.376.456.824	349.369.900.691	334.993.443.867	303.087.450.934	31.905.992.933
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.024.075.904	2.024.075.904			
3	Trái phiếu chưa niêm yết	474.157.500.000	474.157.500.000			
4	Trái phiếu chưa niêm yết	120.000.000.000	120.000.000.000			
5	Công cụ thị trường tiền tệ	403.761.703.435	403.761.703.435			
6	Chứng quyền					
7	Các khoản đầu tư phải sinh niên yết					
8	Các khoản đầu tư phải sinh chưa niên yết					
9	Các khoản đầu tư cho vay					
10	Các khoản đầu tư đem thế chấp					
11	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu					
II	Loại HTM					
III	Loại các khoản cho vay và phải thu					
IV	Loại AP'S					
	<b>Cộng</b>	<b>1.014.319.736.163</b>	<b>1.349.313.180.030</b>	<b>334.993.443.867</b>	<b>303.087.450.934</b>	<b>31.905.992.933</b>



**B7.32.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

STT	Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu đại lý đầu giá	20.613.150	7.154
2	Doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của TCPH	65.000.000	52.000.000
3	Phí quản lý tài sản cầm cố	71.200.000	83.692.700
4	Doanh thu khác	231.020.000	210.620.000
<b>Cộng</b>		<b>387.833.150</b>	<b>346.319.854</b>

**B7.33. Doanh thu hoạt động tài chính**

STT	Loại doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.107.268.126	1.366.639.634
<b>Cộng</b>		<b>9.107.268.126</b>	<b>1.366.639.634</b>

**B 7.34. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ**

STT	Loại chi phí	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	174.877.326.740	216.783.893.989
2	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3.774.996.554	3.269.518.833
3	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16.617.027.466	15.008.255.699
4	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	14.567.429.345	12.950.654.332
5	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	116.135.328.039	86.525.412.508
<b>Cộng</b>		<b>325.972.108.144</b>	<b>334.537.735.361</b>

**B 7.35. Chi phí quản lý CTCK**

STT	Loại chi phí quản lý CTCK	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí lương và khác khoản khác theo lương	42.731.445.175	38.629.584.726
2	BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3.025.564.500	2.555.186.750
3	Chi phí đào tạo tuyển dụng	259.419.432	220.957.547
4	Chi phí vật tư văn phòng	3.073.517.517	2.652.463.565
5	Chi phí khấu hao TSCĐ	14.696.932.391	12.744.175.445
6	Chi phí thuế, phí và lệ phí	21.255.484	31.263.505
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.162.538.885	18.526.211.746
8	Chi phí khác	1.606.468.743	1.304.022.393
<b>Cộng</b>		<b>83.577.142.127</b>	<b>76.663.865.677</b>

**B 7.36. Thu nhập khác**

STT	Chi tiết thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
1	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	33.109.092	
2	Doanh thu bán Token card	408.739.100	260.173.050
3	Thu nhập từ phí c.tiền của NDT	1.577.817.677	2.453.460.845
4	Thu nhập khác	46.656.357.751	54.863.839.108
<b>Cộng</b>		<b>48.676.023.620</b>	<b>57.577.473.003</b>

**B 7.37. Chi phí khác**

STT	Chi tiết chi phí khác	Năm nay	Năm trước
1	Phạt do vi phạm hành chính	7.200	274.113.226
2	Chi phí Token card	455.814.260	257.061.770
3	Phí chuyển tiền của NDT	1.138.556.021	1.381.232.927
4	Chi phí khác	45.869.981.490	53.775.388.537
<b>Cộng</b>		<b>47.464.358.971</b>	<b>55.687.796.460</b>

**B 7.38. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

STT	Chi tiết chi phí thuế TNDN	Năm nay	Năm trước
<b>1</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành</b>		
1.1	- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	97.027.049.804	122.875.182.941
1.2	- Điều chỉnh chi phí Thuế thu nhập CTCK của các năm trước vào chi phí Thuế thu nhập hiện hành năm nay		429.785.050
1.3	- Tổng chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	97.027.049.804	123.304.967.991
<b>2</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại</b>		

**B 7.39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	444.917.590.949	318.225.400.741
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	444.917.590.949	318.225.400.741
Quỹ khen thưởng phúc lợi		51.481.599.817
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	214.564.987	183.187.382
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.074	1.456

**Ghi chú:** Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 được trích vào năm 2023, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



C. Thuyết minh về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

C.7.40. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do CTCK nắm giữ nhưng không được sử dụng

STT	Các giao dịch và các khoản tiền	Năm nay	Năm trước
A	B	1	2
	Tiền gửi ngân hàng		
	-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.447.888.429.448	2.528.623.967.684
	-Tiền gửi của Tổ chức phát hành	375.518.950	176.549.975
	<b>Tổng</b>	<b>3.448.263.948.398</b>	<b>2.528.800.517.659</b>

D. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu: Không có

E. Những thông tin khác:

E.7.41.1. Thông tin so sánh: Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2023 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

E.7.41.2. Thông tin về các bên liên quan:

a. Các bên liên quan:

Tên đơn vị	Mối quan hệ
SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần FPT	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Người có liên quan của người nội bộ Đỗ Sơn Giang
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin	Ban điều hành và các nhân sự chủ chốt

b. Trong năm 2023, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

STT	Các bên liên quan	Giao dịch	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>b.1 Phải thu (Doanh thu)</b>			<b>550.000</b>	<b>113.153.458</b>	<b>113.703.458</b>	
1	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Phí lưu ký Phí chuyển tiền		32.523.458 330.000	32.523.458 330.000	
2	Công ty CP FPT	Dịch vụ trả hộ cổ tức; dịch vụ quản lý cổ đông chưa tái lưu ký; Dịch vụ tư vấn công bố thông tin	550.000	80.300.000	80.850.000	
<b>b.2 Phải trả (Chi phí)</b>			<b>332.688.092</b>	<b>1.691.025.010</b>	<b>2.023.713.102</b>	
1	Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	Thiết bị tin học Bản quyền phần mềm Dịch vụ bảo hành Dịch vụ tin học	332.688.092	917.385.110 641.639.900 132.000.000	332.688.092 917.385.110 641.639.900 132.000.000	

c. Ngoài các giao dịch giữa các bên liên quan được trình bày ở mục E.7.41.2.b ở trên, trong năm Công ty phát sinh thêm thông tin với các bên liên quan khác như sau:

	Giá trị (VND)	
	Năm nay	Năm trước
* <b>Thù lao của HĐQT</b>		
Ông Trần Thanh Tùng - Thành viên HĐQT		96.000.000
Chủ tịch HĐQT và thành viên khác của Hội đồng quản trị không nhận thù lao		
* <b>Lương của Ban Tổng Giám đốc</b>		
<b>Thành viên của Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Điệp Tùng - Tổng Giám đốc	756.690.000	874.140.000
Ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Tổng Giám đốc	546.440.000	580.280.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Phó Tổng Giám đốc	511.790.000	531.069.000
	<b>1.814.920.000</b>	<b>1.985.489.000</b>

E. 7.41.3. Những thông tin khác:

Công ty không thực hiện nghiệp vụ hỗ trợ vốn ngoài nghiệp vụ giao dịch ký quỹ (Không có Hợp đồng hợp tác đầu tư, giao dịch mua có cam kết bán lại Reverse repo).

Người lập biểu



Nguyễn Thị Sơn

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Điệp Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT  
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Nguyễn Văn Dũng*



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP.Hà Nội  
Số điện thoại: 19006446

Số fax: (84.24) 3773 9058

Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)